

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
SAI GON BINH TAY GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness**

Số: 58/2025/SBB-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2025
Ho Chi Minh City, June 24, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Name of organization: SAI GON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: SBB

Stock symbol: SBB

- Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ: 028.3829.3586

Telephone: 028.3829.3586

- E-mail: info@sabibeco.com

2. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:

☒ Định kỳ/Periodic

☐ 24h/ 24 hours

☐ 72h/ 72 hours

☐ Theo yêu cầu/ As required

☐ Khác/ Other

3. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosed:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây công bố thông tin **Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**.

Sai Gon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company discloses the Minutes and Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/06/2025 tại đường dẫn <https://sabibeco.com/thong-tin-co-dong/>

This information was disclosed on the company's website on June 24, 2025, at the following link: https://sabibeco.com/thong-tin-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Người ủy quyền CBTT

The authorized person to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signed, full name, and company stamp)



Lee Chio Lim Larry

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- Lưu TK.HDQT, VP/ Filed at the Board of Directors' archive, Office.



Số: 04/2025/ĐHĐCĐ

Tp. HCM, ngày 23 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây đã được các cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây ngày 23/06/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.

1. Chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN		TH/ KH 2024	TH 2024/2023
				NĂM 2024	NĂM 2023		
1	Doanh thu thuần	Tỷ VND	2.401,08	2.180,31	2.020,19	90,81%	107,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	-22,86	-252,74	-330,89		
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	-27,14	-306,75	-389,44		
4	Chia cổ tức	%	5%	5%	5%	100%	100%

2. Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% 2025/2024
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.180,31	3.550,29	163%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-252,74	101,69	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-306,75	90,68	

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và Định hướng năm 2025.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về Báo cáo tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Điều 5. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.

Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và các giai đoạn có liên quan khác như Công ty kiểm toán độc lập của Công ty mẹ (SABECO).

Điều 6. Thông qua Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	93.144,8	(231.591)
2	Lợi nhuận sau thuế	(27.144,3)	(306.752)
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	43.762	43.762
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
-	Trích Quỹ Công tác xã hội	-	-
-	Chia cổ tức	43.762	43.762
-	Tỷ lệ chia cổ tức	5%	5%
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	22.238,50	(538.343)

- Cổ tức năm 2024 là 5%, đã chi tạm ứng bằng tiền mặt vào ngày 22/10/2024.

Điều 7. Thông qua Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	(231.591)	(538.343)
2	Lợi nhuận sau thuế	(306.752)	90.683
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	43.762	9.599
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	9.146
-	Trích Quỹ Công tác xã hội	-	453
-	Chia cổ tức	43.762	-
-	Tỷ lệ chia cổ tức	5%	-
4	Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển	-	411.121
5	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	(538.343)	(46.138)

Điều 8. Thông qua Tờ trình Hoàn nhập Quỹ Đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối

Hoàn nhập toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất với số tiền là **411.120.769.720 đồng** (bằng chữ: Bốn trăm mười một tỷ, một trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024

- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2024: 468.000.000 đồng
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2024: 108.000.000 đồng

Điều 10. Thông qua Tờ trình Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2025: 416.000.000 đồng
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2025: 172.000.000 đồng

Điều 11. Thông qua Tờ trình các hợp đồng và giao dịch cần ĐHĐCĐ thông qua.

ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con (Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý) với các bên liên quan, có giá trị bằng hoặc lớn hơn 5% tổng tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Bao gồm nhưng không giới hạn như Hợp đồng sản xuất và cung ứng, Hợp đồng mua nguyên vật liệu, Hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

1. Hợp đồng sản xuất và cung ứng năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn. (Dự thảo một số nội dung chính đính kèm)
2. Hợp đồng mua nguyên vật liệu năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
3. Hợp đồng mua bán hàng hóa năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn. (Dự thảo một số nội dung chính đính kèm).

Các hợp đồng và giao dịch này được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện thương mại thông thường và không gây tổn hại đến các lợi ích của Sabibeco.

Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết và thực hiện các hợp đồng, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hợp đồng (nếu có), phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và theo kế hoạch hàng năm của Công ty.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội ngày 23/06/2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng Quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Tập đoàn có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN
BÌNH TÂY
QUẢN LÝ - T.P. HỒ CHÍ MINH

TAN TECK CHUAN LESTER

Số: 03/2025/DHĐCĐ

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Địa chỉ trụ sở chính: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0304116373 Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/11/2005, sửa đổi lần thứ 12 ngày 10/04/2025.

Địa điểm: KHÁCH SẠN VICTORY SAIGON – 14 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian họp: Bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 06 năm 2025.

PHẦN I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Đại biểu và khách mời gồm:

- Các ông/bà trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (SABIBECO).
- Các ông/bà trong Ban điều hành và quản lý cấp cao của SABECO.

- Và các cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự Đại hội của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

1. Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

- Ông Văn Đình Ty - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Lê Ngọc Dung - Thành viên - Thư ký
- Bà Văn Thị Oanh - Thành viên
- Ông Lê Thái Lộc - Thành viên

- MC thay mặt Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội công bố như sau:

- Theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/05/2025, tổng số cổ đông được quyền tham dự là **564** cổ đông, tương ứng với **87.524.536** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (SABIBECO).
- Đến thời điểm 09 giờ 00 phút ngày 23/06/2025, tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và người được ủy quyền tham dự Đại hội là **85** cổ đông, tương ứng với **66.309.418** cổ phần, chiếm tỷ lệ **75,76%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của SABIBECO.

- Tất cả cổ đông và người được ủy quyền đều có đủ điều kiện tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây đủ điều kiện tiến hành.

2. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu:

- Đoàn Chủ tọa:

- Ông Tan Teck Chuan Lester - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa
- Ông Lâm Du An - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên
- Bà Phạm Thị Thanh Thùy - Thành viên Hội đồng quản trị - Thành viên
- Ông Văn Thảo Nguyên - Thành viên Hội đồng quản trị - Thành viên
- Ông Đinh Quang Hải - Thành viên Hội đồng quản trị - Thành viên
- Ông Lee Chio Lim Larry - Tổng giám đốc - Thành viên

- Ban thư ký đại hội (do Chủ tọa đề cử):

- Bà Đặng Kiều Minh
- Bà Phạm Thị Hoài Phương

- Ban kiểm phiếu (do Chủ tọa đề cử):

- Bà Hoàng Lan Hương - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Lê Ngọc Dung - Thành viên - Thư ký
- Bà Văn Thị Oanh - Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu.

3. Chương trình đại hội và Quy chế tổ chức đại hội:

ĐHĐCĐ biểu quyết nhất trí thông qua Chương trình đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

PHẦN II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Phần trình bày các nội dung đại hội:

- Ông Lee Chio Lim Larry – Tổng giám đốc công ty trình bày Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.
- Ông Nguyễn Văn Hòa – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và Phương hướng hoạt động năm 2025.
- Các nội dung còn lại của Chương trình đại hội đã được đăng tải trên website công ty ngày 02/06/2025, cũng như nằm trong bộ Tài liệu đại hội đã cung cấp cho các cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự đại hội và được xem như đã đọc.

2. Thảo luận:

Chủ tọa điều hành phần thảo luận từ các câu hỏi do cổ đông/đại diện được ủy quyền gửi cho Đoàn chủ tọa.

Câu hỏi: Kế hoạch sản lượng của SABECO phân bổ cho SABIBECO năm 2025?

Trả lời: Trong năm 2025 chúng tôi sẽ tiến hành chỉnh đốn chi phí sản xuất, quản lý kỹ thuật và khai thác thiết bị để tối ưu hóa doanh thu, lợi nhuận. Điểm hòa vốn của công ty là khoảng 30% - 40%. SABIBECO đã là công ty con của SABECO nên sẽ cố gắng khai thác tối đa công suất nhà máy. Hiện tại đang khai thác 80% công suất lon nhà máy nên cổ đông yên tâm về kế hoạch sản lượng trong năm 2025.

Câu hỏi: Vui lòng chia sẻ Kế hoạch phát triển 5 năm của SABIBECO?

Trả lời: Do Ban điều hành có sự thay đổi từ tháng 1/2025 và Ông Larry là Tổng giám đốc từ tháng 03/2025. Hiện tại Ban điều hành đang trong quá trình hợp nhất hoạt động của SABIBECO vào SABECO. Trong quá trình hợp nhất, Kế hoạch 5 năm là 1 trong những tiêu chí làm việc giữa SABIBECO và SABECO.

Câu hỏi: Tình hình sản xuất kinh doanh Quý 1/2025 so với Quý 2/2025 sẽ như thế nào? Có đạt được kế hoạch năm 2025 không?

Trả lời: Công ty chưa được trả lời vào thời điểm hiện tại. Sabibeco là công ty niêm yết nên thông tin tài chính Quý sẽ được công bố thông tin trên website công ty và Sở giao dịch chứng khoán theo qui định.

Câu hỏi: Sản lượng sản xuất Bia Sài Gòn năm 2024 so với năm 2025 như thế nào? Sản lượng bia chai năm 2025 là bao nhiêu?

Trả lời: Sản lượng năm 2025 không thể công bố chi tiết vì lý do bảo mật. Công ty có thể chia sẻ rằng tỉ lệ sản lượng SABECO giao cho SABIBECO sản xuất trong quý 1 đã thực hiện được 19% kế hoạch sản xuất và 30% kế hoạch lợi nhuận của Kế hoạch Quý 1.

Câu hỏi: Công ty có thể đạt được kế hoạch 2025 không?

Trả lời: Công ty không thể chia sẻ quá chi tiết về kế hoạch và các sự kiện tương lai trong ngày hôm nay. Tuy nhiên ông Larry với vai trò vừa là Ban điều hành SABIBECO vừa là Ban điều hành SABECO sẽ luôn thúc đẩy để tạo ra lợi nhuận trong năm 2025.

Hiện nay ưu tiên của công ty là tối ưu hóa công suất sản xuất sản phẩm SABECO. Ban điều hành cũng chú trọng tối ưu hóa nguyên vật liệu đầu vào và chi phí sản xuất, với sự hỗ trợ từ đội ngũ kỹ thuật SABECO để tối ưu hóa hoạt động và tiết giảm chi phí. Một trong những ưu tiên là xem xét lại hệ thống phân phối và tối ưu chi phí logistic. Ông Larry tin tưởng doanh thu sẽ có thể đạt được mức tăng trưởng 63% như trong tài liệu đại hội.

Câu hỏi: Vui lòng giải thích khoản dự phòng cho chi phí quản lý và tiền phạt thuế năm 2024. Liệu vấn đề thuế này có tái diễn trong năm 2025 hay không?

Trả lời: Khoản dự phòng chủ yếu đến từ các khoản nợ khó đòi. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với ban pháp lý để thu hồi các khoản này. Năm 2025 ngoài xử lý phân thuế cho năm 2024, Ban điều hành sẽ làm việc với các bên và Tổ tư vấn thuế để chủ động hơn trong việc kiểm soát các vấn đề về Thuế.

Liên quan đến vụ việc thuế tại Nhà máy Ninh Thuận, Công ty đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thuế của Nhà máy Ninh Thuận. Trong thời gian tới Công ty sẽ siết chặt quản trị và giám sát của Công ty.

Câu hỏi: Doanh thu và lợi nhuận của Sagota là bao nhiêu?

Trả lời: Chúng tôi không thể chia sẻ chi tiết cho từng sản phẩm. Doanh thu Sagota chiếm 5-10% so với tổng doanh thu SABIBECO. Quan trọng nhất là thương hiệu Sagota vẫn sẽ là một thương hiệu quan trọng của SABIBECO. Sagota đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng doanh thu của SABIBECO. Ban điều hành sẽ đánh giá lại hiệu quả sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận để đưa ra lợi ích tốt nhất cho Sagota.

PHẦN III. BIỂU QUYẾT

Bà Hoàng Lan Hương - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền thực hiện biểu quyết và bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu.

Bà Hoàng Lan Hương - Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết cho các nội dung và tờ trình đại hội cụ thể như sau:

Nội dung 1. Báo cáo tổng kết Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và Định hướng năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 4. Báo cáo tài chính riêng năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 64.424.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 97,16% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 1.884.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 2,84% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 5. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 66.309.418/66.309.418 CP Tỷ lệ 100,0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

- Số phiếu không hợp lệ: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 6. Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 7. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 8. Tờ trình Hoàn nhập Quỹ Đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 66.257.018 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 99,92% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 50.000 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0,08% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 9. Tờ trình Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.904.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,83% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.404.772/66.309.418 CP Tỷ lệ 11,17% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 10. Tờ trình Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu đồng ý: 58.954.646/66.309.418 CP Tỷ lệ 88,91% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 7.354.772 / 66.309.418 CP Tỷ lệ 11,09% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0/66.309.418 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp

Nội dung 11. Các hợp đồng và giao dịch cần Đại hội đồng cổ đông thông qua

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 8.602.218 CP Tỷ lệ 12,97% CPBQ dự họp
- Tổng số phiếu không quyền biểu quyết: 57.707.200 CP Tỷ lệ 87,03% CPBQ dự họp

Kết quả biểu quyết (sau khi đã loại quyền biểu quyết của các đối tượng có lợi ích liên quan):

- Số phiếu đồng ý: 5.031.027 /8.602.218 CP Tỷ lệ 58,49% CPBQ dự họp
- Số phiếu không đồng ý: 0 /8.602.218 CP Tỷ lệ 0% CPBQ dự họp
- Số phiếu không có ý kiến: 1.884.772 /8.602.218 CP Tỷ lệ 21,91% CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 1.686.419/8.602.218 CP Tỷ lệ 9,60% CPBQ dự họp

Theo kết quả kiểm phiếu như trên, tất cả các nội dung đại hội được biểu quyết thông qua và được đưa vào Nghị quyết đại hội.

PHẦN IV. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

- Bà Đặng Kiều Minh - Thư ký đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết với 100% số phiếu đồng ý.
- Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Đặng Kiều Minh



Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

ĐT: 028.3824 3586; Fax: 028.3915 1856

Website: www.sabibeco.com

-----oOo-----



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2025

DANH MỤC TÀI LIỆU

- 1) Chương trình đại hội
- 2) Quy chế tổ chức đại hội
- 3) Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024
- 4) Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024
- 5) Báo cáo tổng kết Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025
- 6) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và Định hướng năm 2025
- 7) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025
- 8) Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024
- 9) Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025
- 10) Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025
- 11) Tờ trình về việc chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận chưa phân phối
- 12) Tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch năm 2025
- 13) Tờ trình về các hợp đồng và giao dịch cần ĐHĐCĐ thông qua
- 14) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Thời gian: ngày 23 / 06 / 2025

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8:00 – 8:45	Đón tiếp, đăng ký đại biểu, khách mời Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu đại hội
8:45 – 9:00	Tuyên bố lý do, giới thiệu khách mời Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
9:00 – 9:15	Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Ban thư ký Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế tổ chức đại hội
9:15 – 9:45	Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán Báo cáo về hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và Định hướng năm 2025 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025
9:45 – 9:55	Nội dung các tờ trình trình Đại hội
9:55 – 10:15	Thảo luận
10:15 – 10:25	Biểu quyết thông qua tờ trình đại hội
10:25 – 10:45	Nghỉ giải lao
10:45 – 11:00	Công bố kết quả kiểm phiếu Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11:00	Bế mạc đại hội

Tp.HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2022/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

Điều 1: Những quy định chung

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Điều kiện tiến hành đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Đại hội sẽ tiến hành lần lượt theo nội dung chương trình do Chủ tọa công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 3: Điều kiện cổ đông tham dự

1. Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong Danh sách Người sở hữu chứng khoán của Công ty tại thời điểm ngày 28 tháng 05 năm 2025.
2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và:
 - a. Là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền;
 - b. Là tổ chức phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký và đóng dấu;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
3. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Người đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho người thứ 3 tham dự Đại hội.

Điều 4: Khách mời đại hội

1. Khách mời có thể là các chức danh quản lý của Công ty, các đối tác, cơ quan chính quyền, báo chí, thành viên trong Ban tổ chức đại hội không phải là cổ đông của Công ty nhưng được mời tham dự đại hội. Danh sách khách mời này được Hội đồng quản trị phê duyệt.
2. Khách mời không được tham gia phát biểu tại đại hội (trừ trường hợp được chủ tọa mời, hoặc đăng ký với ban tổ chức đại hội và được chủ tọa đồng ý) và không được biểu quyết tại đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội.

- a. Thực hiện thủ tục đăng ký tư cách cổ đông tham dự đại hội, nhận phiếu biểu quyết và Tài liệu đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường đại hội.
- b. Thủ tục đăng ký tư cách cổ đông gồm Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (theo thông tin đã đăng ký tại công ty) và Giấy ủy quyền (bản gốc) đối với người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội.
- c. Tham dự, thảo luận, và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội, một cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
- d. Cổ đông đến đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- a. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội do Ban tổ chức đại hội đề cử.
- b. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông của cổ đông hoặc người đại diện được cổ đông ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự đại hội. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước đại hội.
- c. Trường hợp người đến dự đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

- a. Chủ tọa đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Chủ trì đại hội, quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
- c. Hướng dẫn đại hội thảo luận các nội dung các tờ trình và kết luận các vấn đề cần thiết để đại hội biểu quyết. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- d. Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do đại hội yêu cầu và giải thích các vấn đề phát sinh trong thời gian đại hội diễn ra.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký đại hội

- a. Ban thư ký đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- b. Ban thư ký đại hội thực hiện các công việc trợ giúp đại hội theo sự phân công của Chủ tọa, tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông, ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của đại hội trong Biên bản và Nghị quyết đại hội.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- a. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký đại hội.
- b. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện được ủy quyền; Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu; Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 10: Phát biểu ý kiến tại đại hội

- a. Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- c. Trên cơ sở câu hỏi của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- d. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 11: Biểu quyết thông qua các vấn đề đại hội

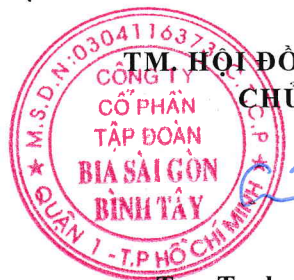
- a. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- b. Mỗi cổ đông/người được ủy quyền sẽ được cấp một Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo công ty dùng để biểu quyết, trong đó có ghi họ tên, số đăng ký sở hữu (Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu) và số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Từng vấn đề được đưa ra trước đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến biểu quyết bằng phương thức điền vào Phiếu biểu quyết, trong đó có ba (03) ý kiến: *Đồng ý* hoặc *Không đồng ý*, hoặc *Không có ý kiến* với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu "X" hoặc "V" vào ô mình chọn.
- d. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức. Mỗi nội dung biểu quyết chỉ chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.
- e. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn sẽ được tính vào kết quả biểu quyết.

- f. Một vấn đề được biểu quyết thông qua khi tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết đạt tỷ lệ trên 50% (theo quy định tại Điều 21, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.
- g. Đối với các nội dung liên quan đến Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- h. Ban thư ký ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.

Điều 12: Biên bản và nghị quyết đại hội cổ đông

- a. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- b. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- c. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
- d. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được công bố trên website công ty trong vòng 24 giờ (không kể ngày nghỉ và ngày lễ) kể từ ngày Đại hội kết thúc.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được trình bày trước Đại hội và có hiệu lực ngay khi được thông qua chấp thuận của trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia đại hội.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

**Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**



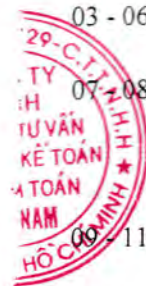
Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07 - 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	09 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	15 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373 (trước đây là số 4103004075) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.



6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật tại ngày lập Báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester

Ông Văn Thanh Liêm

Ông Lâm Du An

Ông Văn Thảo Nguyên

Ông Đinh Quang Hải

Bà Phạm Thị Thanh Thùy

Ông Đinh Văn Thuận

Ông Phạm Tấn Lợi

Ông Đặng Thái

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/02/2025)

Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/02/2025)

Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/02/2025)

Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/02/2025)

Thành viên HĐQT (từ ngày 20/02/2025)

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT (từ ngày 20/02/2025)

Thành viên HĐQT (đến ngày 20/02/2025)

Thành viên HĐQT (đến ngày 20/02/2025)

Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)

Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lee Chio Lim Larry

Ông Nguyễn Huy Cảnh

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Văn Thảo Nguyên

Bà Văn Bảo Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ

Tổng Giám đốc (từ ngày 01/03/2025)

Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024 đến ngày 01/03/2025)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2025)

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2025)

Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hòa

Ông Văn Bá Nam

Bà Bùi Thị Thái Hà

Bà Mai Đỗ Minh Văn

Chức vụ

Trưởng ban (từ ngày 20/02/2025)

Thành viên (đến ngày 20/02/2025)

Trưởng ban (đến ngày 20/02/2025)

Thành viên

Thành viên (từ ngày 20/02/2025)

Đại diện pháp luật

Ông Tan Teck Chuan Lester

Ông Văn Thanh Liêm

Đại diện pháp luật (từ ngày 20/02/2025)

Đại diện pháp luật (đến ngày 20/02/2025)

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật (Tiếp theo)

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm
Ông Văn Thảo Nguyên
Ông Đinh Văn Thuận
Ông Đinh Quang Hải
Ông Phạm Tấn Lợi
Ông Đặng Thái
Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT
Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)
Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Huy Cảnh
Ông Văn Thảo Nguyên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Văn Bảo Ngọc
Bà Nguyễn Thị Hiếu

Chức vụ

Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Văn Bá Nam
Bà Bùi Thị Thái Hà
Ông Nguyễn Văn Hòa

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông Văn Thanh Liêm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.



8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

(Theo Giấy ủy quyền số 31/2025/UQ-SGBT ngày 13/03/2025)

Số: 456 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025 từ trang 09 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm, trong đó có đề cập đến việc thông tin so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng năm 2023 do Công ty kiểm toán khác thực hiện (với ý kiến chấp nhận toàn phần) đã được Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây điều chỉnh hồi tố lại do ảnh hưởng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề được nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính riêng đó tại ngày 28 tháng 03 năm 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Kiểm toán viên

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1755-2023-142-1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639.359.300.668	435.146.735.483
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.607.708.916	33.524.408.935
1. Tiền	111		14.607.708.916	33.524.408.935
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		491.598.010.020	231.678.165.659
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	225.343.128.077	157.635.286.201
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.004.939.621	675.022.561
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	220.000.000.000	35.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06.a	45.497.042.206	38.614.956.781
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(247.099.884)	(247.099.884)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	131.829.936.597	168.528.298.529
1. Hàng tồn kho	141		131.829.936.597	168.528.298.529
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.323.645.135	1.415.862.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.a	486.560.969	578.778.194
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13.b	837.084.166	837.084.166

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.275.392.115.654	1.866.020.188.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	166.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06.b	16.000.000	166.000.000
II. Tài sản cố định	220		581.991.243.346	670.636.151.465
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	517.301.135.497	603.978.750.534
- Nguyên giá	222		2.032.368.570.086	2.054.691.398.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.515.067.434.589)	(1.450.712.648.457)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	64.690.107.849	66.657.400.931
- Nguyên giá	228		85.758.649.990	85.758.649.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.068.542.141)	(19.101.249.059)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.05	628.065.312.180	1.105.684.794.451
1. Đầu tư vào công ty con	251		978.653.450.464	978.653.450.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		240.605.263.158	463.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(613.360.251.442)	(358.635.506.013)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		65.319.560.128	89.533.242.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.b	51.370.855.907	75.365.758.524
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		13.948.704.221	14.167.483.687
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.914.751.416.322	2.301.166.923.610

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		509.756.383.212	486.178.034.487
I. Nợ ngắn hạn	310		509.756.383.212	486.178.034.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	51.383.093.940	53.089.948.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	10.059.556.344	18.734.030.456
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.a	134.670.077.249	115.407.153.799
4. Phải trả người lao động	314		8.501.043.255	7.635.800.084
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.238.543.111	7.305.362.920
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.704.574.447	16.808.538.516
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	297.157.402.011	266.875.572.729
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.092.855	321.627.321
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.404.995.033.110	1.814.988.889.123
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.404.995.033.110	1.814.988.889.123
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		408.385.929.337	495.910.465.337
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(315.345.006.691)	7.124.313.322
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.124.313.322	265.268.853.936
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(322.469.320.013)	(258.144.540.614)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.914.751.416.322	2.301.166.923.610

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

Mẫu số B 02 -- DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.254.071.944.312	1.134.636.901.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.254.071.944.312	1.134.636.901.685
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.209.823.086.313	1.080.637.748.216
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.248.857.999	53.999.153.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	74.849.925.317	47.093.453.727
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	380.948.652.243	314.205.846.464
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.101.821.826	35.020.836.090
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	29.537.263.742	22.729.620.482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	29.906.882.146	22.507.796.438
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(321.294.014.815)	(258.350.656.187)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	1.098.473.570	282.223.260
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.273.778.768	76.107.687
13. Lợi nhuận khác	40		(1.175.305.198)	206.115.573
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(322.469.320.013)	(258.144.540.614)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(322.469.320.013)	(258.144.540.614)

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Hu

Nguyễn Thị Hiếu

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(322.469.320.013)	(258.144.540.614)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		87.833.336.565	96.689.543.686
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		254.724.745.429	279.330.148.841
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		33.641.619.002	(46.109.983.061)
- Chi phí lãi vay	06		18.101.821.826	35.020.836.090
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		71.832.202.809	106.786.004.942
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(63.052.878.936)	26.638.877.488
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		36.917.141.398	(20.045.071.579)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.879.495.201)	22.720.802.360
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		24.087.119.842	26.664.580.529
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.541.805.416)	(37.212.563.853)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.930.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		30.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(309.534.466)	(1.828.138.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.065.820.030	123.724.491.387
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.205.829.300)	(477.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.880.000.000	918.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(185.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		115.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.428.953.969	42.415.741.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.896.875.331)	52.856.923.300

11172
ÔNG T
TNHH
VỤ T
NH K
TIEM T
HIA N
P. HỒ

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		804.586.031.507	657.739.107.125
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(774.304.202.225)	(782.173.435.511)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.367.474.000)	(44.526.598.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.085.644.718)	(168.960.926.886)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(18.916.700.019)	7.620.487.801
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.524.408.935	25.903.921.134
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	14.607.708.916	33.524.408.935

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Lee Chio Lim Larry

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373 (trước đây là số 4103004075) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 291 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 304 nhân viên).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây có 03 (ba) Công ty con, 02 (hai) Công ty liên kết và 03 (ba) chi nhánh. Danh sách chi tiết như sau:

a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng;...	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%

b. Danh sách các Công ty liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (*)	Đường D1 - Khu công nghiệp Bắc Vĩnh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	20,01%	18,46%	38,96%	38,96%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Đường số 7, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất các loại bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024, Công ty đã thoái một phần vốn góp là 11.500.000 cổ phần, tương đương 115.000.000.000 đồng, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 18,46%.

Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết (có hiệu lực đến ngày 30/06/2025), Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn đã ủy quyền 1,55% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 20,01% quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (bao gồm 18,46% quyền biểu quyết trực tiếp và 1,55% quyền biểu quyết gián tiếp).

c. Danh sách Chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Lô B2/47-48-49-50-51 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	A73/I Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu Công nghiệp Trần Quốc Toản, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

e. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40
- Máy móc thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	07 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
- Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 41 năm đến 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 năm đến 07 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	291.714.394	340.674.012
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.315.994.522	33.183.734.923
Cộng	14.607.708.916	33.524.408.935

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	225.343.128.077	157.635.286.201
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	125.470.033.229	129.742.778.576
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	82.033.655.514	23.058.982.908
- Các khách hàng khác	17.839.439.334	4.833.524.717

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.004.939.621	675.022.561
- Công ty KHS Asia	-	297.845.771
- Công ty Cổ phần Giải Pháp Công Nghệ và Môi Trường Res	228.960.000	228.960.000
- Công ty TNHH TM - KT Công Nghiệp Việt Á	269.893.800	-
- Công ty TNHH Xây Dựng và Tư Vấn Môi Trường Hoàng Dương	200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Phương Lan	105.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	201.085.821	148.216.790

b. Dài hạn

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	220.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (*)	220.000.000.000	35.000.000.000

b. Dài hạn

Ghi chú:

(*) Khoản cho Công ty con vay với tổng số tiền là 220 tỷ đồng, lãi suất cố định suốt thời hạn cho vay là 6,5%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, chi tiết theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay tiền số 01/2024/HĐVT ngày 03/01/2024, số tiền vay: 35.000.000.000 đồng
- Hợp đồng vay tiền số 02/2024/HĐVT ngày 08/05/2024, số tiền vay: 45.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay tiền số 03/2024/HĐVT ngày 14/05/2024, số tiền vay: 80.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay tiền số 04/2024/HĐVT ngày 20/11/2024, số tiền vay: 30.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay tiền số 05/2024/HĐVT ngày 31/12/2024, số tiền vay: 30.000.000.000 đồng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.241.425.563.622	(613.360.251.442)		1.464.320.300.464
Đầu tư vào công ty con	978.653.450.464	(611.860.251.442)		978.653.450.464
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	200.000.000.000	(200.000.000.000)	(*)	200.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	366.793.199.022	-	(*)	366.793.199.022
- Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	411.860.251.442	(411.860.251.442)	(*)	411.860.251.442
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	240.605.263.158			463.500.000.000
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	200.605.263.158	-	(*)	423.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000
Đầu tư vào các đơn vị khác	22.166.850.000	(1.500.000.000)		22.166.850.000
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (**)	11.666.670.000	-	24.150.006.900	11.666.670.000
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (**)	9.000.180.000	-	16.830.336.600	9.000.180.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(1.500.000.000)	(*)	1.500.000.000
Cộng	1.241.425.563.622	(613.360.251.442)		1.464.320.300.464

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để trình bày thuyết minh do không áp dụng được giá niêm yết trên thị trường chứng khoán và/hoặc chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý có sử dụng kỹ thuật định giá.

(**) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá tham chiếu của cổ phiếu trên sàn chứng khoán tại thời điểm 31/12/2024 và ngày 31/12/2023 nhằm mục đích tham khảo.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	45.497.042.206	-	38.614.956.781	-
- Tạm ứng	125.000.000	-	-	-
- Phải thu lãi cho vay	10.355.945.206	-	2.700.191.781	-
+ Công ty TNHH Bia	10.355.945.206	-	2.700.191.781	-
Sài Gòn - Ninh Thuận				
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.810.000.000	-	35.710.018.000	-
+ Công ty TNHH Bia	34.810.000.000	-	34.810.000.000	-
Sài Gòn - Ninh Thuận				
+ Công ty Cổ phần Bia	-	-	900.018.000	-
Sài Gòn - Hà Nội				
- Phải thu khác	206.097.000	-	204.747.000	-
b. Dài hạn	16.000.000	-	166.000.000	-
- Kỳ cược, ký quỹ	16.000.000	-	166.000.000	-
Cộng	45.513.042.206	-	38.780.956.781	-



7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	59.797.856.664	-	59.072.858.575	-
- Công cụ, dụng cụ	7.245.560.186	-	7.245.541.347	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.153.958.044	-	41.315.378.594	-
- Thành phẩm	22.514.344.995	-	35.818.591.434	-
- Hàng hóa gửi bán	3.118.216.708	-	25.075.928.579	-
Cộng	131.829.936.597	-	168.528.298.529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	388.963.904.917	1.633.183.633.256	26.917.533.866	3.359.527.256	2.266.799.696	2.054.691.398.991
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	20.916.198.000	1.406.630.905	-	-	22.322.828.905
- Thanh lý, nhượng bán	-	20.916.198.000	1.406.630.905	-	-	22.322.828.905
4. Số dư cuối năm	388.963.904.917	1.612.267.435.256	25.510.902.961	3.359.527.256	2.266.799.696	2.032.368.570.086
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	177.440.695.688	1.246.595.338.576	21.076.472.312	3.333.342.185	2.266.799.696	1.450.712.648.457
2. Tăng trong năm	19.932.413.376	64.371.751.041	1.555.252.642	6.626.424	-	85.866.043.483
- Khấu hao tăng trong năm	19.932.413.376	64.371.751.041	1.555.252.642	6.626.424	-	85.866.043.483
3. Giảm trong năm	-	20.916.198.000	595.059.351	-	-	21.511.257.351
- Thanh lý, nhượng bán	-	20.916.198.000	595.059.351	-	-	21.511.257.351
4. Số dư cuối năm	197.373.109.064	1.290.050.891.617	22.036.665.603	3.339.968.609	2.266.799.696	1.515.067.434.589
III. Giá trị còn lại						
1. Số dư đầu năm	211.523.209.229	386.588.294.680	5.841.061.554	26.185.071	-	603.978.750.534
2. Số dư cuối năm	191.590.795.853	322.216.543.639	3.474.237.358	19.558.647	-	517.301.135.497

Ghi chú:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 417.593.367.092 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.16).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 844.736.510.645 VND.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	17.939.355.309	1.161.893.750	19.101.249.059
2. Tăng trong năm	1.760.561.832	206.731.250	1.967.293.082
- Khấu hao tăng trong năm	1.760.561.832	206.731.250	1.967.293.082
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	19.699.917.141	1.368.625.000	21.068.542.141
III. Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu năm	66.450.669.681	206.731.250	66.657.400.931
2. Số dư cuối năm	64.690.107.849	-	64.690.107.849

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.368.625.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 11/2063.
- Quyền thuê đất tại nhà máy Bia Hoàng Quỳnh có thời hạn sử dụng đến năm 2047.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	486.560.969	578.778.194
- Chi phí bảo hiểm	402.950.969	407.860.525
- Chi phí khác	83.610.000	170.917.669
b. Dài hạn	51.370.855.907	75.365.758.524
- Bao bì luân chuyển (1)	9.356.039.120	37.425.066.056
- Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	7.850.534.404	2.121.738.795
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.087.782.518	2.717.138.060
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh (2)	12.345.044.562	12.772.437.426
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Đồng Tháp (3)	19.731.455.303	20.329.378.187
Cộng	51.857.416.876	75.944.536.718

Ghi chú:

(1) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.

(2) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004).

(3) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Ngắn hạn	51.383.093.940	51.383.093.940	53.089.948.662	53.089.948.662
- Tổng Công ty Cổ phần Bía - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.624.439.019	20.624.439.019	18.336.420.033	18.336.420.033
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.534.146.480	10.534.146.480	8.998.950.971	8.998.950.971
- Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	-	-	7.186.757.968	7.186.757.968
- Công ty TNHH MTV Khánh Vân Kon Tum	1.677.873.078	1.677.873.078	5.785.952.228	5.785.952.228
- Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.105.648.574	5.105.648.574	4.820.000.285	4.820.000.285
- Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Thái Tân	6.426.201.812	6.426.201.812	315.891.101	315.891.101
- Các nhà cung cấp khác	7.014.784.977	7.014.784.977	7.645.976.076	7.645.976.076
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	51.383.093.940	51.383.093.940	53.089.948.662	53.089.948.662

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>Giá trị</i>
a. Ngắn hạn	10.059.556.344	18.734.030.456
- Công ty Metro J Trading	9.404.698.102	4.837.302.300
- Trade Beer Sole Co., Ltd	-	13.879.062.110
- Các khách hàng khác	654.858.242	17.666.046
b. Dài hạn	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã thực nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
a. Phải nộp	115.407.153.799	1.049.331.872.579	1.030.068.949.129	134.670.077.249
- Thuế giá trị gia tăng	10.001.813.568	109.442.277.074	107.232.080.054	12.212.010.588
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	42.032.055	42.032.055	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	26.410.992	26.410.992	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.285.933.642	934.574.670.413	917.790.259.918	122.070.344.137
- Thuế thu nhập cá nhân	113.171.709	5.010.289.812	4.891.302.897	232.158.624
- Thuế tài nguyên	6.234.880	46.788.720	50.309.200	2.714.400
- Thuế khác	-	189.403.513	36.554.013	152.849.500
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phát sinh giảm</i>	<i>Phát sinh tăng</i>	<i>Số cuối năm</i>
b. Phải thu	837.084.166	-	-	837.084.166
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	837.084.166	-	-	837.084.166

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	3.238.543.111	7.305.362.920
- Trích trước chi phí lãi vay	1.737.502.509	6.177.486.099
- Các khoản khác	1.501.040.602	1.127.876.821
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.238.543.111	7.305.362.920

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	4.704.574.447	16.808.538.516
- Kinh phí công đoàn	1.104.775.447	1.104.775.447
- Nhận ký cược, ký quỹ	-	13.184.449.999
- Cổ tức phải trả	3.599.799.000	2.442.737.000
- Phải trả khác	-	76.576.070
b. Dài hạn	-	-

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0020/KHDN/23 ngày 13/12/2024 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250 tỷ đồng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp, công suất 45 triệu lít/năm tại Lô CN2, KCN Trần Quốc Toản, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0051/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Toàn bộ các máy móc, thiết bị là dây chuyền chiết chai công suất vận hành 30.000 chai/giờ thuộc dự án đầu tư mới thiết bị chiết rót cho nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0097/NHNT-KD/16 ký ngày 25/08/2016;
- Dây chuyền chiết lon công suất vận hành 33.000 lon/giờ thuộc dự án “Đầu tư Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Đồng Tháp” theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0050/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu thuộc sở hữu của Công ty với giá trị tối thiểu 100% dư nợ cấp tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0045/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0046/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019.

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và Hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất vay là 6,5%/năm, khoản vay không có tài sản thế chấp.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.24.21 ngày 13/06/2024 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Quyền sử dụng đất 23.120,8 m² tại các lô A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Công trình xây dựng trên đất tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bia tại nhà máy Hoàng Quỳnh sau khi đã loại ra dây chuyền chiết chai trị giá 87.101.000.000 VND tại địa chỉ A73/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00014660.08882/2023/HĐTD ngày 19/01/2024 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng (trong đó 50 tỷ đồng sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bia. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	309.031.121.936	2.116.895.697.737
- Lợi nhuận trong năm (số điều chỉnh lại)	-	-	-	(258.144.540.614)	(258.144.540.614)
- Chia cổ tức	-	-	-	(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	7.124.313.322	1.814.988.889.123
Số dư tại ngày 01/01/2024 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	7.124.313.322	1.814.988.889.123
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(322.469.320.013)	(322.469.320.013)
- Chia cổ tức (*)	-	-	(87.524.536.000)	-	(87.524.536.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	875.245.360.000	436.708.750.464	408.385.929.337	(315.345.006.691)	1.404.995.033.110

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024, Công ty đã dùng nguồn từ hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	521.872.000.000	143.723.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	55.200.000.000
- Tổ chức, cá nhân khác	298.173.360.000	676.322.360.000
Cộng	875.245.360.000	875.245.360.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ tức đã chia (*)	87.524.536.000	43.762.268.000

Ghi chú:

(*) Công ty chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông trong năm với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024.

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.524.536	87.524.536
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.524.536	87.524.536

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nợ khó đòi đã xử lý	3.632.047.000	3.632.047.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Currency: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a. Tổng doanh thu	1.254.071.944.312	1.134.636.901.685
- Doanh thu bán thành phẩm	1.154.677.936.792	1.115.438.485.868
- Doanh thu bán hàng hóa	10.588.832.262	7.234.118.680
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.588.762.064	1.688.351.101
- Doanh thu khác	1.216.413.194	10.275.946.036
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.254.071.944.312	1.134.636.901.685

c. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.113.832.788.260	1.068.523.581.779
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.377.643.944	5.875.199.911
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	87.137.657.387	-
- Giá vốn khác	1.474.996.722	6.238.966.526
Cộng	1.209.823.086.313	1.080.637.748.216

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.452.464.098	3.065.914.763
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.732.225.296	42.950.036.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.665.235.923	1.077.502.464
Cộng	74.849.925.317	47.093.453.727

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (số điều chỉnh lại)</i>
- Chi phí lãi vay	18.101.821.826	35.020.836.090
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	107.894.736.842	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.348.146	101.961.417
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính	254.724.745.429	279.083.048.957
Cộng	380.948.652.243	314.205.846.464

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	29.537.263.742	22.729.620.481
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	16.177.300.009	16.166.242.934
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.979.502.621	3.988.704.830
- Chi phí bằng tiền khác	7.380.461.112	2.574.672.717
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	29.906.882.146	22.507.796.438
- Chi phí nhân viên quản lý	12.720.101.963	11.009.699.199
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	508.415.085	91.475.592
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.385.150.332	6.764.796.140
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.043.324.934	2.051.023.430
- Chi phí bằng tiền khác	8.249.889.832	2.590.802.077

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.068.428.446	94.031.798
- Các khoản khác	30.045.124	188.191.462
Cộng	1.098.473.570	282.223.260

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	2.270.769.158	76.095.480
- Các khoản khác	3.009.610	12.207
Cộng	2.273.778.768	76.107.687

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	951.020.748.961	898.846.030.962
- Chi phí nhân công	62.792.434.445	57.850.899.343
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.833.336.565	96.689.543.686
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.074.856.734	67.775.817.021
- Chi phí bằng tiền khác	19.158.373.015	7.997.964.238
Cộng	1.171.879.749.720	1.129.160.255.250

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(số điều chỉnh lại)</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(322.469.320.013)	(258.144.540.614)
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	(57.471.883.643)	(29.941.318.416)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	7.260.341.653	13.008.718.084
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(64.732.225.296)	(42.950.036.500)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(379.941.203.656)	(288.085.859.030)
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	804.586.031.507	657.739.107.125
Cộng	804.586.031.507	657.739.107.125

2. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	774.304.202.225	782.173.435.511
Cộng	774.304.202.225	782.173.435.511

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Cổ đông lớn, cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Thuận Thành	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Polycó	Cổ đông
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Người công bố thông tin	Ban điều hành

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
b.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	916.201.529.863	894.469.406.807
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	49.331.797.982	62.469.406.807
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	1.044.003.688	6.343.218.366
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.000.000	120.000.000
Cộng	966.587.331.533	963.402.031.980

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

b.2. Mua hàng hóa, dịch vụ

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	703.747.089.342	657.627.568.952
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	76.287.815.172	75.637.431.948
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	5.045.097.185	11.712.183.588
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	6.078.514.235	5.736.452.754
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	8.175.274.056	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	2.944.471.000	-

Cộng

802.278.260.990 750.713.637.242

b.3. Cho vay

Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	185.000.000.000	-
---------------------------------------	-----------------	---

b.4. Lãi cho vay phải thu

Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	7.655.753.425	2.700.191.781
---------------------------------------	---------------	---------------

b.5. Cổ tức, lợi nhuận được chia

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	60.598.855.296	39.400.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	2.333.334.000	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	1.800.036.000	1.800.036.000

Cộng

64.732.225.296 42.950.036.500

b.6. Chi phí lãi vay

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	5.909.657.534
--	---------------	---------------

b.7. Cổ tức phải trả cho cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	21.558.450.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.520.000.000	2.760.000.000

Cộng

27.078.450.000 9.946.150.000

b.8. Các giao dịch khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (hỗ trợ bán hàng)	6.910.562.250	2.055.036.910
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (thanh lý tài sản cố định)	1.880.000.000	-

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Văn Thuận	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Quang Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Cộng		528.000.000	528.000.000

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024)	51.153.846	
Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.086.000.000	1.080.000.000
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	877.500.000
Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	325.000.000
Nguyễn Thị Hiền	Kế toán trưởng	841.000.000	360.000.000
Cộng		3.760.153.846	2.642.500.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Những người quản lý khác

8.942.000.000 **8.302.500.000**

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	125.470.033.229	129.742.778.576
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	82.033.655.514	23.058.982.908
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	4.550.300.387	3.441.185.913
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	-	16.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh V.04)		
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	220.000.000.000	35.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.06.a)		
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	45.165.945.206	37.510.191.781
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	-	900.018.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.11)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	20.624.439.019	18.336.420.033
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.534.146.480	8.998.950.971
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.105.648.574	4.820.000.285
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	1.926.064.796	1.590.532.771
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	330.220.001	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh V.14)		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	5.909.657.534
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh V.16)		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000

Ghi chú:

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được trình bày lại để phù hợp với danh sách các đơn vị liên quan đã nêu tại Thuyết minh VIII.1.a.

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.057.470.255.702	196.601.688.610	1.254.071.944.312
Giá vốn	1.071.202.276.010	138.620.810.303	1.209.823.086.313
Lợi nhuận gộp	(13.732.020.308)	57.980.878.307	44.248.857.999

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác thực hiện với ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số điều chỉnh trình bày trong số liệu đầu kỳ được điều chỉnh hồi tố lại theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Tại ngày 31/12/2023 (sau điều chỉnh)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(160.958.840.269)	(197.676.665.744)	(358.635.506.013)
NGUỒN VỐN				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	204.800.979.066	(197.676.665.744)	7.124.313.322
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(60.467.874.870)	(197.676.665.744)	(258.144.540.614)
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí tài chính	22	116.529.180.720	197.676.665.744	314.205.846.464
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(60.673.990.443)	(197.676.665.744)	(258.350.656.187)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(60.467.874.870)	(197.676.665.744)	(258.144.540.614)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(60.467.874.870)	(197.676.665.744)	(258.144.540.614)
Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Lợi nhuận trước thuế	01	(60.467.874.870)	(197.676.665.744)	(258.144.540.614)
Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03	81.653.483.097	197.676.665.744	279.330.148.841

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 06
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	07 - 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373 (trước đây là số 4103004075) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật tại ngày lập Báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Văn Thanh Liêm
Ông Lâm Du An
Ông Văn Thảo Nguyên

Ông Đinh Quang Hải
Bà Phạm Thị Thanh Thùy
Ông Đinh Văn Thuận
Ông Phạm Tấn Lợi
Ông Đặng Thái
Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/02/2025)
Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/02/2025)
Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 20/02/2025)
Phó Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/02/2025)
Thành viên HĐQT (từ ngày 20/02/2025)
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT (từ ngày 20/02/2025)
Thành viên HĐQT (đến ngày 20/02/2025)
Thành viên HĐQT (đến ngày 20/02/2025)
Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)
Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lee Chio Lim Larry
Ông Nguyễn Huy Cảnh
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Văn Thảo Nguyên
Bà Văn Bảo Ngọc
Bà Nguyễn Thị Hiếu

Chức vụ

Tổng Giám đốc (từ ngày 01/03/2025)
Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024 đến ngày 01/03/2025)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2025)
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/03/2025)
Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hòa

Ông Văn Bá Nam
Bà Bùi Thị Thái Hà
Bà Mai Đỗ Minh Văn

Chức vụ

Trưởng ban (từ ngày 20/02/2025)
Thành viên (đến ngày 20/02/2025)
Trưởng ban (đến ngày 20/02/2025)
Thành viên
Thành viên (từ ngày 20/02/2025)

Đại diện pháp luật

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Văn Thanh Liêm

Đại diện pháp luật (từ ngày 20/02/2025)
Đại diện pháp luật (đến ngày 20/02/2025)



6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật (Tiếp theo)

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện Pháp luật tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Hội đồng Quản trị

	<u>Chức vụ</u>
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Thái	Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (đến ngày 18/07/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024)
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông Văn Thanh Liêm

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

(Theo Giấy ủy quyền số 31/2025/UQ-SGBT ngày 13/03/2025)

Số: 457/BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025 từ trang 09 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong đó có đề cập đến việc thông tin so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 do Công ty kiểm toán khác thực hiện (với ý kiến chấp nhận toàn phần) đã được Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây điều chỉnh hồi tố lại do ảnh hưởng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề được nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 28 tháng 03 năm 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Kiểm toán viên

Trần Nguyễn Hoàng Mai

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 1755-2023-142-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		739.152.494.234	930.035.622.092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	146.777.742.691	252.271.213.535
1. Tiền	111		96.777.742.691	157.209.569.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	95.061.643.836
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		132.400.335.911	110.064.003.941
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.04.a	132.400.335.911	110.064.003.941
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.513.543.888	238.626.154.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	400.186.715.142	352.461.803.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	13.275.455.888	11.486.265.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	1.220.332.453	1.826.809.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(247.168.959.595)	(127.148.725.317)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	290.652.395.286	327.381.648.658
1. Hàng tồn kho	141		290.652.395.286	327.381.648.658
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.808.476.458	1.692.601.699
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.a	801.921.612	677.389.264
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15.b	1.006.554.846	1.015.212.435

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.368.005.467.295	1.682.288.417.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.440.000	9.170.440.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	-	9.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.06.b	20.440.000	170.440.000
II. Tài sản cố định	220		1.087.413.784.317	1.241.864.218.680
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.022.723.676.468	1.175.153.342.749
- Nguyên giá	222		3.854.216.188.484	3.890.633.472.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.831.492.512.016)	(2.715.480.129.429)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	64.690.107.849	66.710.875.931
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.383.979.528)	(22.363.211.446)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	424.297.740	12.431.962.560
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		424.297.740	12.431.962.560
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04.b	207.227.062.473	345.369.667.994
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		186.560.212.473	324.702.817.994
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.919.882.765	73.452.128.351
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.b	52.956.761.638	52.247.202.816
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		19.963.121.127	21.204.925.535
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.107.157.961.529	2.612.324.039.677

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (số điều chỉnh lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		973.595.238.910	1.084.485.174.430
I. Nợ ngắn hạn	310		851.223.188.621	1.013.058.073.227
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	81.868.658.477	77.730.174.581
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.795.093.569	21.132.592.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.a	401.544.529.643	473.260.063.220
4. Phải trả người lao động	314		13.654.496.080	12.080.400.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.238.543.111	7.364.582.040
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	31.586.252.055	47.407.197.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	297.157.402.011	367.951.559.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.378.213.675	6.131.504.036
II. Nợ dài hạn	330		122.372.050.289	71.427.101.203
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		122.372.050.289	71.427.101.203
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.133.562.722.619	1.527.838.865.247
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.133.562.722.619	-1.527.838.865.247
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		411.120.769.720	498.645.305.720
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(538.343.347.514)	(231.591.740.886)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(231.591.740.886)	157.847.016.376
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.107.157.961.529	2.612.324.039.677

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu



Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lee Chio Lim Larry

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.180.307.571.282	2.020.187.383.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.180.307.571.282	2.020.187.383.885
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.073.067.619.029	2.011.958.362.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.239.952.253	8.229.021.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.530.090.708	17.543.260.978
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	21.078.374.546	40.656.327.044
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.851.026.400	40.554.365.627
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(23.142.605.521)	7.574.913.256
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	40.114.614.086	35.681.877.966
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	179.948.250.302	169.353.211.324
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(140.513.801.494)	(212.344.220.435)
12. Thu nhập khác	31	VI.06	5.894.999.920	284.623.260
13. Chi phí khác	32	VI.07	118.118.148.053	118.825.839.471
14. Lợi nhuận khác	40		(112.223.148.133)	(118.541.216.211)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(252.736.949.627)	(330.885.436.646)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	3.069.707.915	2.736.710.824
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	50.944.949.086	55.816.609.792
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(3.505)	(4.449)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(3.505)	(4.449)

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(252.736.949.627)	(330.885.436.646)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		166.136.751.202	217.150.040.340
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		120.020.234.278	121.098.889.825
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.556.156.654)	(368.476.116)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		5.644.413.189	(23.752.983.800)
- Chi phí lãi vay	06		20.851.026.400	40.554.365.627
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.359.318.788	23.796.399.230
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(71.292.007.490)	(20.631.015.488)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		37.971.057.780	101.005.550.512
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(48.826.341.159)	125.721.399.084
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(834.091.170)	16.586.786.627
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.291.009.990)	(42.746.093.390)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.323.752.448)	(3.652.714.114)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		37.020.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.946.619.528)	(7.984.796.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.146.425.217)	192.095.516.302
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.568.548.835)	(13.648.815.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.909.963.637	918.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.845.944.879)	(143.584.551.887)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.509.612.909	121.520.547.946
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		115.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.253.346.268	15.384.185.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		105.258.429.100	(19.410.452.278)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		804.586.031.507	814.736.338.341
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(875.380.188.888)	(976.027.601.169)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.367.474.000)	(44.526.598.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(157.161.631.381)	(205.817.861.328)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(107.049.627.498)	(33.132.797.304)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		252.271.213.535	285.035.534.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.556.156.654	368.476.116
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VII	146.777.742.691	252.271.213.535

Người lập biểu


Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hiền

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373 (trước đây là số 4103004075) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ mười một ngày 11 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 875.245.360.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 875.245.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại sàn UPCoM với mã chứng khoán “SBB”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có đặc điểm hoạt động nào gây ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

7. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và Công ty con có 636 nhân viên.



8. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây có 03 (ba) Công ty con, 02 (hai) Công ty liên kết và 03 (ba) chi nhánh.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.
- Số lượng các Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 02 Công ty.

a. Danh sách các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng;...	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106 đường Trần Phú, Phường Quang Trung, Thành phố Phú Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	100%	100%	100%	100%

b. Danh sách các Công ty liên kết

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (*)	Đường D1 - Khu công nghiệp Bắc Vĩnh, Xã Hưng Đông, Thành phố Vĩnh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	20,01%	18,46%	38,96%	38,96%
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Đường số 7, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Sản xuất các loại bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%



8. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 31/01/2024, Công ty đã thoái một phần vốn góp là 11.500.000 cổ phần, tương đương 115.000.000.000 đồng, giảm tỷ lệ sở hữu xuống còn 18,46%.

Theo các văn bản ủy quyền biểu quyết (có hiệu lực đến ngày 30/06/2025), Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn đã ủy quyền 1,55% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 20,01% quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn (bao gồm 18,46% quyền biểu quyết trực tiếp và 1,55% quyền biểu quyết gián tiếp).

c. Danh sách Chi nhánh

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Lô B2/47-48-49-50-51 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	A73/1 Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây - Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu Công nghiệp Trần Quốc Toản, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực kế toán về hợp nhất kinh doanh và hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Công ty nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định ("TSCĐ")

a. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương án đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

	<i>Số năm khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40
- Máy móc thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải	07 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
- Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá, khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là từ 41 năm đến 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 07 năm.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước;
- Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa chi phí đi vay

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu hợp nhất:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

a. Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.



12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,... được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác,...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.



16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất***Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	2.162.137.667	1.717.272.182
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.615.605.024	155.492.297.517
- Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	95.061.643.836
Cộng	146.777.742.691	252.271.213.535

Ghi chú:

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 2,9%/ năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	400.186.715.142	352.461.803.813
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	127.134.553.956	96.762.543.498
- Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	23.389.695.764
- Các khách hàng khác	249.663.955.422	232.309.564.551

b. Dài hạn

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	13.275.455.888	11.486.265.780
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	-	4.507.035.142
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
- Công ty Cổ phần Bia và NGK Quốc Tế	27.040.000	1.340.400.000
- Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	5.080.467.480	-
- Công ty TNHH Bách Khoa Á Châu	2.700.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	5.467.948.408	3.870.026.018

b. Dài hạn

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a.1 Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)

a.2 Dài hạn

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941
132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941
-	-	-	-
132.400.335.911	132.400.335.911	110.064.003.941	110.064.003.941

Ghi chú:

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất dao động từ 4,1% đến 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	-	9.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh	-	9.000.000.000
Cộng	-	9.000.000.000

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	1.220.332.453	-	1.826.809.983	-
- Phải thu về tiền cổ tức	-	-	900.018.000	-
- Tạm ứng	658.000.000	-	356.000.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	203.315.068	-	247.945.205	-
- Phải thu về BHXH	119.038.223	-	84.217.616	-
- Phải thu khác	239.979.162	-	238.629.162	-
b. Dài hạn	20.440.000	-	170.440.000	-
- Ký quỹ, ký cược	20.440.000	-	170.440.000	-
Cộng	1.240.772.453	-	1.997.249.983	-

7. NỢ XẤU

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i> <i>(số điều chỉnh lại)</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đã trích dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị đã trích dự phòng</i>
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải thu khách hàng	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	(23.388.205.764)	23.389.695.764	(11.170.525.356)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Hải Dương	5.088.183.405	(5.088.183.405)	5.088.183.405	(5.088.183.405)
+ Các đối tượng khác	230.331.170.007	(218.692.570.426)	150.859.267.266	(110.890.016.556)
Cộng	258.807.559.176	(247.168.959.595)	179.337.146.435	(127.148.725.317)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	118.670.482.597	-	130.818.313.955	-
- Công cụ, dụng cụ	15.801.442.149	-	11.229.947.927	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.095.038.479	-	73.470.200.531	-
- Thành phẩm	83.244.623.936	-	82.173.696.854	-
- Hàng hóa	1.722.591.417	-	1.742.369.320	-
- Hàng hóa gửi bán	3.118.216.708	-	27.947.120.071	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	290.652.395.286	-	327.381.648.658	-

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	-	-
<i>b. Xây dựng cơ bản dở dang</i>	424.297.740	12.431.962.560
- Dự án nhà máy Bia Sagota	-	9.870.933.820
- Máy chiết lon	-	2.136.731.000
- Các dự án khác	424.297.740	424.297.740
Cộng	424.297.740	12.431.962.560

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	839.814.899.017	2.979.324.771.040	65.295.271.988	3.931.730.437	2.266.799.696	3.890.633.472.178
2. Số tăng trong năm	115.000.000	13.443.186.287	-	-	-	13.558.186.287
- Mua trong năm	-	3.041.012.000	-	-	-	3.041.012.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	115.000.000	10.402.174.287	-	-	-	10.517.174.287
3. Số giảm trong năm	12	43.293.329.973	6.682.139.996	-	-	49.975.469.981
- Thanh lý, nhượng bán	-	43.293.329.973	6.682.139.996	-	-	49.975.469.969
- Giảm khác	12	-	-	-	-	12
4. Số dư cuối năm	839.929.899.005	2.949.474.627.354	58.613.131.992	3.931.730.437	2.266.799.696	3.854.216.188.484
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	443.086.594.531	2.226.411.294.848	39.995.889.079	3.719.551.275	2.266.799.696	2.715.480.129.429
2. Số tăng trong năm	38.568.435.853	121.257.186.046	4.235.934.801	54.426.420	-	164.115.983.120
- Khấu hao trong năm	38.568.435.853	121.257.186.046	4.235.934.801	54.426.420	-	164.115.983.120
3. Số giảm trong năm	-	42.999.242.488	5.104.358.045	-	-	48.103.600.533
- Thanh lý, nhượng bán	-	42.999.242.488	5.104.358.045	-	-	48.103.600.533
4. Số dư cuối năm	481.655.030.384	2.304.669.238.406	39.127.465.835	3.773.977.695	2.266.799.696	2.831.492.512.016
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	396.728.304.486	752.913.476.192	25.299.382.909	212.179.162	-	1.175.153.342.749
2. Tại ngày cuối năm	358.274.868.621	644.805.388.948	19.485.666.157	157.752.742	-	1.022.723.676.468

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.213.848.087.240 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 417.593.367.092 VND đã được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh V.18).



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	Phần mềm	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.724.687.387	84.390.024.990	1.959.375.000	89.074.087.377
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	2.724.687.387	17.939.355.309	1.699.168.750	22.363.211.446
2. Số tăng trong năm	-	1.760.561.832	260.206.250	2.020.768.082
- Khấu hao trong năm	-	1.760.561.832	260.206.250	2.020.768.082
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.724.687.387	19.699.917.141	1.959.375.000	24.383.979.528
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	66.450.669.681	260.206.250	66.710.875.931
2. Tại ngày cuối năm	-	64.690.107.849	-	64.690.107.849

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.684.062.387 VND.

(*) Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 11/2063.
- Quyền thuê đất tại nhà máy Bia Hoàng Quỳnh có thời hạn sử dụng đến năm 2047.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	801.921.612	677.389.264
- Chi phí bảo hiểm	718.311.612	506.471.595
- Chi phí khác	83.610.000	170.917.669
b. Dài hạn	52.956.761.638	52.247.202.816
- Bao bì luân chuyển (1)	10.493.630.896	13.613.509.701
- Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	8.298.848.359	2.814.739.442
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.087.782.518	2.717.138.060
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh (2)	12.345.044.562	12.772.437.426
- Chi phí thuê đất trả trước tại Nhà máy bia Đồng Tháp (3)	19.731.455.303	20.329.378.187

Ghi chú:

- (1) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.
- (2) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004).
- (3) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018).

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	81.868.658.477	81.868.658.477	77.730.174.581	77.730.174.581
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	35.351.796.845	35.351.796.845	30.717.686.493	30.717.686.493
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.182.080.251	15.182.080.251	11.206.665.416	11.206.665.416
- Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	-	-	7.186.757.968	7.186.757.968
- Các nhà cung cấp khác	31.334.781.381	31.334.781.381	28.619.064.704	28.619.064.704
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	81.868.658.477	81.868.658.477	77.730.174.581	77.730.174.581

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.c).



14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	19.795.093.569	21.132.592.270
- Công ty Metro J Trading	9.404.698.102	4.837.302.300
- Trade Beer Sole Co., Ltd	6.732.350.222	13.879.062.110
- Các khách hàng khác	3.658.045.245	2.416.227.860
b. Dài hạn	-	-
Cộng	19.795.093.569	21.132.592.270

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm (số điều chỉnh lại)</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã thực nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
a. Phải nộp	473.260.063.220	2.027.924.038.763	2.099.639.572.340	401.544.529.643
- Thuế giá trị gia tăng	110.365.766.428	133.241.412.580	221.238.520.117	22.368.658.891
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	107.494.767	107.494.767	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	98.352.748	98.352.748	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	360.954.441.300	1.768.740.030.123	1.866.221.346.341	263.473.125.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.147.275.184	3.069.707.915	2.306.822.448	1.910.160.651
- Thuế thu nhập cá nhân	786.345.428	6.734.820.700	6.607.546.587	913.619.541
- Thuế tài nguyên	6.234.880	46.788.720	50.309.200	2.714.400
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.951.240.486	2.951.240.486	-
- Thuế khác	-	112.934.190.724	57.939.646	112.876.251.078
b. Phải thu	1.015.212.435	-	8.657.589	1.006.554.846
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
- Thuế thu nhập cá nhân	8.657.589	-	8.657.589	-

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a. Ngắn hạn

- Trích trước chi phí lãi vay
- Các khoản khác

b. Dài hạn

Cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
3.238.543.111	7.364.582.040
1.737.502.509	6.177.486.099
1.501.040.602	1.187.095.941
-	-
3.238.543.111	7.364.582.040

17. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Ngắn hạn

- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
- Cổ tức phải trả
- Nhận ký cược, ký quỹ
- Phải trả khác

b. Dài hạn

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
31.586.252.055	47.407.197.114
1.751.840.335	1.442.052.935
3.599.799.000	2.442.737.000
25.998.898.552	42.909.782.816
235.714.168	612.624.363
-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	875.380.188.888	367.951.559.392	367.951.559.392
a.1 Vay ngắn hạn	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	845.515.688.042	338.087.058.546	338.087.058.546
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	212.802.985.274	212.802.985.274	561.207.012.629	649.683.099.204	301.279.071.849	301.279.071.849
- Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bưu SÀI GÒN (2)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (3)	60.916.391.737	60.916.391.737	163.179.286.434	119.070.881.394	16.807.986.697	16.807.986.697
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (4)	3.438.025.000	3.438.025.000	80.199.732.444	76.761.707.444	-	-
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	29.864.500.846	29.864.500.846	29.864.500.846
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	29.864.500.846	29.864.500.846	29.864.500.846
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	297.157.402.011	297.157.402.011	804.586.031.507	875.380.188.888	367.951.559.392	367.951.559.392

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/CV-0020/KHDN/23 ngày 13/12/2024 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250 tỷ đồng để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay và lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Toàn bộ máy móc, thiết bị thuộc Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp, công suất 45 triệu lít/năm tại Lô CN2, KCN Trần Quốc Toản, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0051/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Toàn bộ các máy móc, thiết bị là dây chuyền chiết chai công suất vận hành 30.000 chai/giờ thuộc dự án đầu tư mới thiết bị chiết rót cho nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0097/NHNT-KD/16 ký ngày 25/08/2016;
- Dây chuyền chiết lon công suất vận hành 33.000 lon/giờ thuộc dự án "Đầu tư Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn - Đồng Tháp" theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0050/NHNT-KD/17 ký ngày 05/06/2017;
- Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu thuộc sở hữu của Công ty với giá trị tối thiểu 100% dư nợ cấp tín dụng ngắn hạn tại mọi thời điểm theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0045/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019 và Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0046/NHNT-KD/19 ký ngày 20/11/2019.

- (2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và Hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất vay là 6,5%/năm, khoản vay không có tài sản thế chấp.



18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.24.21 ngày 13/06/2024 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Bên đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Tài sản đảm bảo

- Quyền sử dụng đất 23.120,8 m² tại các lô A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Công trình xây dựng trên đất tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; và lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bia tại nhà máy Hoàng Quỳnh sau khi đã loại ra dây chuyền chiết chai trị giá 87.101.000.000 VND tại địa chỉ A73/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00014660.08882/2023/HĐTD ngày 19/01/2024 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng (trong đó 50 tỷ đồng chỉ được sử dụng khi đáp ứng thêm điều kiện) để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất bia. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376	1.961.039.890.509
- Lợi nhuận trong năm (số điều chỉnh lại)	-	-	-	-	(389.438.757.262)	(389.438.757.262)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.865.247
Số dư tại ngày 01/01/2024 (số điều chỉnh lại)	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.865.247
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(306.751.606.628)	(306.751.606.628)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(87.524.536.000)	-	(87.524.536.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	411.120.769.720	(538.343.347.514)	1.133.562.722.619

Ghi chú:

(*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024, Công ty đã dùng nguồn từ hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây
- Tổ chức, cá nhân khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
521.872.000.000	143.723.000.000
55.200.000.000	55.200.000.000
298.173.360.000	676.322.360.000
875.245.360.000	875.245.360.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

- Cổ tức đã chia (*)

Năm nay	Năm trước
875.245.360.000	875.245.360.000
-	-
-	-
875.245.360.000	875.245.360.000
87.524.536.000	43.762.268.000

Ghi chú:

(*) Công ty chia cổ tức bằng tiền cho các Cổ đông trong năm với tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 5%/cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 5%/cổ phiếu căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/06/2023 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/ĐHĐCĐ ngày 18/07/2024.

d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông

Số cuối năm	Số đầu năm
87.524.536	87.524.536
87.524.536	87.524.536
87.524.536	87.524.536
-	-
87.524.536	87.524.536
87.524.536	87.524.536

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

Số cuối năm	Số đầu năm
411.120.769.720	498.645.305.720

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Ngoại tệ các loại

- Đô la Mỹ (USD)

Số cuối năm	Số đầu năm
-------------	------------

1.943.064,95 690.264,05

b. Nợ khó đòi đã xử lý

4.719.377.015 4.719.377.015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác

Năm nay	Năm trước
1.577.968.791.223	1.929.526.139.065
493.980.285.583	64.260.068.001
101.602.544.132	17.072.658.051
6.755.950.344	9.328.518.768
2.180.307.571.282	2.020.187.383.885

Cộng

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Chi tiết khoản mục này được trình bày tại Thuyết minh VIII.1.b).

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn khác

Năm nay	Năm trước
1.517.983.493.436	1.946.313.178.759
451.194.940.783	49.914.371.446
100.442.544.381	13.948.163.782
3.446.640.429	1.782.648.242
2.073.067.619.029	2.011.958.362.220

Cộng

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Năm nay	Năm trước
9.175.328.131	12.534.002.246
1.665.235.923	1.090.746.116
1.556.156.654	368.476.116
4.133.370.000	3.550.036.500
16.530.090.708	17.543.260.978

Cộng

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí lãi vay	20.851.026.400	40.554.365.627
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.348.146	101.961.417
Cộng	21.078.374.546	40.656.327.044

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(số điều chỉnh lại)</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	40.114.614.086	35.681.877.966
- Chi phí nhân viên	6.581.478.263	9.956.410.453
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	16.177.300.009	16.166.242.934
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.727.290	286.885.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.979.502.621	4.847.645.782
- Chi phí bằng tiền khác	11.083.605.903	4.424.693.354
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	179.948.250.302	169.353.211.324
- Chi phí nhân viên quản lý	32.629.319.515	27.563.438.786
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	508.415.085	91.475.592
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.807.091.945	8.903.872.502
- Chi phí dự phòng	120.020.234.278	121.962.935.956
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.824.674.064	5.193.511.480
- Chi phí bằng tiền khác	13.158.515.415	5.637.977.008

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	4.418.581.686	-
- Các khoản khác	1.476.418.234	284.623.260
Cộng	5.894.999.920	284.623.260

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i> <i>(số điều chỉnh lại)</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	229.087.485	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	109.912.319.958	118.823.787.014
- Xử lý chi phí XDCBDD dây chuyền chiết 15.000 lon/h	2.136.731.000	-
- Chi phí hỗ trợ hoạt động thị trường thương hiệu Bia Sài Gòn	5.837.000.000	-
- Các khoản khác	3.009.610	2.052.457
Cộng	118.118.148.053	118.825.839.471

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.668.615.352.565	1.539.856.253.777
- Chi phí nhân công	109.426.618.007	103.049.796.317
- Chi phí khấu hao TSCĐ	166.136.751.202	217.150.040.340
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.044.913.794	103.041.419.982
- Chi phí bằng tiền khác	156.275.680.262	134.938.354.124
Cộng	2.189.499.315.830	2.098.035.864.540

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý	3.069.707.915	2.736.710.824
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.069.707.915	2.736.710.824

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	50.944.949.086	55.816.609.792
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	50.944.949.086	55.816.609.792

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.505)	(4.449)

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (số điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(306.751.606.628)	(389.438.757.262)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.505)	(4.449)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
804.586.031.507	814.736.338.341
804.586.031.507	814.736.338.341

2. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường

Cộng

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
875.380.188.888	986.027.601.169
875.380.188.888	986.027.601.169

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Công ty mẹ

Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây

Công ty con

Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận

Công ty con

Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Phú Lý

Công ty con

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

Cổ đông lớn, cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Tập đoàn Polycó

Cổ đồng

Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa

Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát,
Kế toán trưởng và các cá nhân khác có liên quan

Ban điều hành



b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
b.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.688.398.975.002	755.753.291.683
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	10.000.000	75.000.000
b.2. Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.268.461.228.035	488.769.053.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	112.334.490.710	49.041.254.318
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	6.078.514.235	2.978.881.677
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	10.390.371.915	-
b.3. Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	1.800.036.000	1.800.036.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	2.333.334.000	1.750.000.500
b.4. Chi phí lãi vay		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	3.054.109.590
b.5. Cổ tức phải trả cho cổ đông		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	21.558.450.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.520.000.000	2.760.000.000
b.6. Giao dịch khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (chi phí hỗ trợ hoạt động thị trường thương hiệu Bia Sài Gòn)	5.837.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh (Thanh lý tài sản cố định)	2.880.000.000	-

011729-C
 CÔNG TY
 TNHH
 TỰ VAI
 NH KẾ TO
 KIỂM TOÁN
 HIA NAM
 TP HỒ CH

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Văn Thuận	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đinh Quang Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Đặng Thái	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/07/2024)	72.000.000	72.000.000
Cộng		528.000.000	528.000.000

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/12/2024)	51.153.846	
Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.086.000.000	1.080.000.000
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	877.500.000
Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	891.000.000	325.000.000
Nguyễn Thị Hiệu	Kế toán trưởng	841.000.000	360.000.000
Cộng		3.760.153.846	2.642.500.000

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Những người quản lý khác

8.942.000.000	8.302.500.000
---------------	---------------

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh V.02)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	127.134.553.956	96.762.543.498
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	-	16.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.03)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	1.768.804.620
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.06)		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Hà Nội	-	900.018.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.13)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	35.351.796.845	30.717.686.493
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	15.182.080.251	11.206.665.416
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5.105.648.574	4.820.000.285
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	2.892.330.571	2.225.288.901
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh V.16)		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.300.000.000	5.909.657.534
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh V.18)		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000

Ghi chú:

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023 đã được trình bày lại để phù hợp với danh sách các đơn vị liên quan đã nêu tại Thuyết minh VIII.1.a.

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.957.957.970.384	222.349.600.898	2.180.307.571.282
Giá vốn	1.910.765.917.639	162.301.701.390	2.073.067.619.029
Lợi nhuận thuần	47.192.052.745	60.047.899.508	107.239.952.253

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và Công ty con, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty và Công ty con. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng hoạt động sản xuất là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty kiểm toán khác thực hiện với ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số điều chỉnh trình bày trong số liệu đầu kỳ được điều chỉnh hồi tố lại theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1133/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Cục thuế Tỉnh Ninh Thuận tại Công ty con - Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và ảnh hưởng của việc hồi tố trích lập dự phòng công nợ phải thu quá hạn tại Công ty con - Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Tại ngày 31/12/2023 (sau điều chỉnh)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(48.219.751.107)	(78.928.974.210)	(127.148.725.317)
NGUỒN VỐN				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	354.512.371.686	118.747.691.534	473.260.063.220
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.620.258.007	(237.211.998.893)	(231.591.740.886)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)

01172
CÔNG T
TNHH
H VỤ T
HÌNH K
KIỂM T
NHÀ N
T.P HỒ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	90.424.237.114	78.928.974.210	169.353.211.324
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(133.415.246.225)	(78.928.974.210)	(212.344.220.435)
Chi phí khác	32	78.147.937	118.747.691.534	118.825.839.471
Lợi nhuận khác	40	206.475.323	(118.747.691.534)	(118.541.216.211)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(133.208.770.902)	(197.676.665.744)	(330.885.436.646)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16.281.276.643	39.535.333.149	55.816.609.792
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(152.226.758.369)	(237.211.998.893)	(389.438.757.262)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.739)	(2.710)	(4.449)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.739)	(2.710)	(4.449)

4. THÔNG TIN SO SÁNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Các điều chỉnh	Năm 2023 (sau điều chỉnh)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Lợi nhuận trước thuế	01	(133.208.770.902)	(197.676.665.744)	(330.885.436.646)
Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03	42.169.915.615	78.928.974.210	121.098.889.825
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.973.707.550	118.747.691.534	125.721.399.084

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lee Chio Lim Larry



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

**PHẦN 1
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

- Năm 2024, tình hình thế giới vẫn nhiều yếu tố rủi ro tác động đến sự ổn định và tăng trưởng kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, với thương mại hóa toàn cầu được cải thiện, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính được nới lỏng đã giảm bớt áp lực suy thoái kinh tế. Trong nước, năm 2024 đã khép lại với nhiều kết quả tích cực khi GDP Việt Nam tăng trưởng 7,09%, cao hơn so với mục tiêu đề ra. Các điều kiện kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, đầu tư công được thúc đẩy và dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng tốt.
- Về thị trường bia: Thị trường bia phân khúc lớn chịu ảnh hưởng đáng kể từ Nghị Định 100 của Chính Phủ và sau đại dịch Covid-19. Ngành bia khó phục hồi như những năm trước năm 2019. Bên cạnh đó ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và ảnh hưởng bởi các xung đột địa chính trị tác động không nhỏ đến nhu cầu của người tiêu dùng. Mặc dù thị trường bia trong năm vừa qua có tín dấu hiệu tăng trưởng trở lại nhưng không đáng kể. Chi phí nguyên vật liệu chính như mạch nha, gạo.. và chi phí bao bì là lon nhôm, thùng carton tăng từ 5% đến 30% nên chi phí sản xuất tăng cao đã tác động đáng kể làm giảm kết quả hoạt động chung của Công ty.
- Trong bối cảnh thị trường khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt về chất lượng sản phẩm, giá cả, chính sách bán hàng nhằm chiếm lĩnh thị trường của các hãng bia, cả nội địa và nước ngoài, là điều khó tránh khỏi. Đặc biệt một số nhà máy bia địa phương sẵn sàng hạ giá bán rất thấp để chiếm thị phần là nguyên nhân dẫn đến tăng chi phí bán hàng, giảm lợi nhuận.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Các chỉ tiêu chính :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN		TH/ KH 2024	TH 2024/2023
				NĂM 2024	NĂM 2023		
1	Doanh thu thuần	Tỷ VND	2.401,08	2.180,31	2.020,19	90,81%	107,93%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	-22,86	-252,74	-330,89		
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	-27,14	-306,75	-389,44		
4	Chia cổ tức	%	5%	5%	5%	100%	100%

2. Đánh giá, phân tích kết quả kinh doanh:

- Trong năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.180,31 tỷ đồng, tăng 7,93% so với năm 2023. Mặc dù ghi nhận mức tăng nhẹ, nhưng đây không phải là mức tăng trưởng ấn tượng so với kỳ vọng. Hoạt động kinh doanh vẫn duy trì được dòng tiền từ hoạt động cốt lõi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng doanh thu đang có dấu hiệu chững lại.

- Nguyên nhân chính dẫn đến sự chậm lại trong tăng trưởng doanh thu được cho là do sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu thụ, bắt nguồn từ Nghị định 168 do Chính phủ ban hành, quy định các chế tài nghiêm khắc đối với người điều khiển phương tiện giao thông có sử dụng rượu bia. Quy định này đã làm thay đổi rõ rệt thói quen tiêu dùng bia của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng tiêu dùng tại nhà hàng, quán ăn và các kênh dịch vụ ăn uống ngoài gia đình.

- Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, thu nhập người dân thắt chặt, người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu như đồ uống có cồn, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những thách thức của thị trường. Trước nhu cầu giảm và đầu ra gặp khó khăn, doanh nghiệp đã chủ động điều chỉnh sản lượng sản xuất nhằm tối ưu hóa vận hành. Mặc dù chưa thể khai thác hết công suất thiết kế, đây là bước đi cần thiết để quản lý chi phí hiệu quả hơn, đồng thời tạo tiền đề cho việc tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

3. Đánh giá tình hình sản xuất:

- Công tác kiểm soát chất lượng được thực hiện nghiêm theo qui định của Ban Kỹ thuật Sabeco công ty, của Tập đoàn và tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước. Toàn bộ các nguyên vật liệu trước khi nhập kho đều được kiểm tra chặt chẽ và chỉ được phép sử dụng khi có kết luận đạt. Tất cả các công đoạn sản xuất đều xây dựng các điểm kiểm soát, tần suất kiểm soát đảm bảo kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm. Chất lượng cảm quan bia chai và bia lon đều đạt loại tốt và ổn định giữa các tháng. Toàn bộ sản phẩm sản xuất của các nhà máy đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Do sản lượng sản xuất thấp, không ổn định do đó không tối ưu hóa được kế hoạch sản xuất dẫn tới các hao phí tăng. Hiệu suất sử dụng thiết bị thấp do chưa sử dụng hết công suất của các nhà máy. Kế hoạch Bia Sài Gòn chủ yếu là chiết lon nên hiệu suất sử dụng dây chuyền chiết chai không hiệu quả do chỉ sản xuất Bia Sagota. Điều này dẫn đến 3/5 nhà máy đã ngưng dây chuyền chiết chai.

- Tất cả các nhà máy trong hệ thống Sabibeco Group đều đã cập nhật phiên bản ISO mới nhất, bao gồm ISO 9001:2015, ISO 22000:2018, ISO 14001:2015 và ISO/IEC 17025:2017, ISO 50001:2011, FSSC 22000.

4. Cơ cấu tổ chức, nhân sự:

- Một số bộ phận sản xuất thiếu người so với cơ cấu tổ chức nhân sự nên thường xuyên cần tăng ca để sản xuất.

- 100% công nhân viên đều được ký hợp đồng lao động và có chế độ Bảo hiểm xã hội. Tiền lương, chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ theo quy định của Công ty, pháp luật hiện hành.

- Ban lãnh đạo định kỳ tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp cho người lao động. Hằng năm, Công ty cử nhân sự tham gia các chương trình đào tạo theo yêu cầu công việc

nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn phù hợp với từng vị trí, đảm bảo nhân sự hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, huấn luyện và nâng cao kỹ năng đều do Công ty chi trả.

5. Về kế toán - tài chính:

- Các khoản đầu tư tài chính: thu đủ các khoản cổ tức từ các khoản đầu tư hiện tại. Trong năm không phát sinh khoản đầu tư mới, tập trung nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất chính.

- Chi cổ tức cho cổ đông:

- o Chi đầy đủ cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ mà ĐHĐCĐ thường niên 2024 phê duyệt (tỷ lệ chi trả: 5%).
- o Đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỷ lệ 5% (kế hoạch của năm 2024 là 5%).

6. Về đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo:

Năm 2024, Sabibeco chỉ thực hiện các hạng mục cải tạo, sửa chữa nhỏ để đáp ứng sản xuất, không thực hiện dự án đầu tư.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2025:

- Dự báo kinh tế thế giới năm 2025 sẽ ít cải thiện so với năm 2024, lạm phát thấp hơn và việc nới lỏng tiền tệ đang diễn ra ở nhiều nền kinh tế có thể mang lại sự thúc đẩy khiêm tốn cho hoạt động kinh tế toàn cầu vào năm 2025. Tuy nhiên vẫn còn một số rủi ro phát sinh từ xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại gia tăng.

- Trong nước, thị trường bia sẽ vẫn tiếp tục trải qua giai đoạn đầy thách thức trước tác động kép của các quy định mới về kiểm soát nồng độ cồn ngày càng nghiêm khắc hơn và sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng.

- Trước những biến động trên, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch chính cho năm 2025 trình ĐHĐCĐ xem xét như sau:

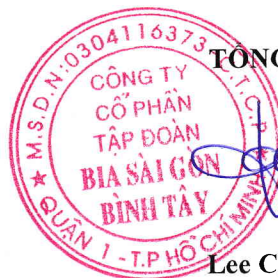
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% 2025/2024
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.180,31	3.550,29	163%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-252,74	101,69	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-306,75	90,68	

2. Các giải pháp thực hiện

Để triển khai đạt các kế hoạch kinh doanh trong năm 2025, Công ty định hướng thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Tập trung ưu tiên sản xuất Bia Sài Gòn nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của nhà máy. Tập trung quản lý tốt hơn nữa tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất nhằm giảm giá thành, tăng lợi nhuận.

- Ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco (“MESAB”) trong các lĩnh vực cụ thể nhằm cải thiện quy trình sản xuất.
- Duy trì tính hiệu lực của các hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO/IEC 17025 và ISO 50001; Đảm bảo 100% chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đánh giá lại chính sách giá và lợi nhuận các thương hiệu bia Sagota nội địa để tối ưu hóa danh mục sản phẩm.
- Phát triển xuất khẩu Bia Sagota. Tiếp tục sản xuất, bán “bia hơi” địa phương.
- Sáp nhập & tái cấu trúc Cơ cấu tổ chức và chuẩn hóa chính sách lương.
- Triển khai các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý sản xuất và quản lý công nghệ thông tin theo chính sách chung của Sabeco để tăng cường hiệu quả trong hoạt động, nâng cao an toàn bảo mật thông tin.
- Chuẩn hóa và hoàn thiện các Quy trình, Chính sách cho các hoạt động của Tập đoàn Sabibeco theo chính sách chung của Sabeco.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lee Chio Lim Larry

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Sabibeco”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) trong năm 2024 và định hướng hoạt động trong năm 2025 như sau:

I. Kết quả hoạt động trong năm 2024

1. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2024 có sự thay đổi từ 07 người (đầu năm 2024) giảm còn 05 người (từ ngày 18/07/2024).

Hội đồng quản trị đã tiến hành các kỳ họp trực tiếp, họp online cũng như họp gián tiếp qua việc lấy ý kiến bằng văn bản, để quyết định các chủ trương chiến lược cũng như giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Thường trực Hội đồng quản trị có các buổi làm việc với Ban điều hành tại văn phòng Công ty, tại nhà máy và họp online, ban hành 15 Nghị quyết và 07 Quyết định liên quan đến các hoạt động của công ty. Công việc của Hội đồng quản trị tập trung vào các nội dung sau:

– Thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất/bán hàng; đầu tư; các hoạt động liên quan đến cổ đông, chia cổ tức; quản trị Công ty, công bố thông tin và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

– Chỉ đạo việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường và bám sát kế hoạch giao hàng của Bia Sài Gòn; Duy trì lượng tồn kho nguyên vật liệu vừa đủ để phục vụ sản xuất;

– Tiếp tục cung cấp tài liệu theo yêu cầu bởi Tổng công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) để thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phần tương ứng với 65% vốn điều lệ cho Tổng công ty Sabeco như nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Đến tháng 01/2025 Sabeco đã hoàn tất thủ tục chào mua công khai và Sabibeco chính thức trở thành công ty con trong hệ thống Sabeco.

– HĐQT đã truyền thông đầy đủ đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thông qua việc thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời và chính xác.

2. Thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT trong năm 2024:

Đơn vị tính: Đồng

	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024
Thù lao của Hội đồng quản trị	528.000.000	528.000.000	468.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	114.000.000	114.000.000	108.000.000

– Khoản Thù lao HĐQT đã nhận trong năm 2024 thấp hơn so với kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua do giảm 2 thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 18/07/2024.

3. Báo cáo về các giao dịch:

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch
1	Tổng công ty Sabeco	Cổ đông lớn >10%	Mua nguyên vật liệu và hợp tác sản xuất Bán hàng hóa, dịch vụ cho Sabeco Chia cổ tức
2	Công ty cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Thuê đất Nhà máy Bình Dương Chia cổ tức
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Bên liên quan người nội bộ	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua bao bì
4	Công ty cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan người nội bộ	Mua dịch vụ vận tải
5	Công ty cổ phần Tập đoàn Polycó	Bên liên quan người nội bộ	Chia cổ tức

- Chi tiết các giao dịch đã được báo cáo trong Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tình hình quản trị mà Công ty đã công bố.

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Ban điều hành

Trong năm qua, Hội đồng quản trị của SABIBECO đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý qua việc đánh giá thực hiện các quy chế, quy định và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Điều này giúp đảm bảo rằng Công ty đang đi đúng hướng và duy trì môi trường làm việc ổn định và hiệu quả.

Hội đồng quản trị nhận thấy rằng Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, được thể hiện qua việc áp dụng đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. SABIBECO duy trì sự ổn định trong sản xuất và điều hành dù phải đối mặt với các thách thức từ thị trường cạnh tranh. Để tiếp tục duy trì sự phát triển bền vững, Ban điều hành cần tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý, ứng dụng công nghệ và duy trì tính minh bạch trong mọi hoạt động.

- Kết quả chỉ đạo, giám sát như sau:
 - + Tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 27/01/2024 để sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh để phù hợp với ngành nghề kinh doanh hiện tại của công ty.
 - + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 vào ngày 18/07/2024 đúng quy định.
 - + Trả cổ tức năm 2023 đầy đủ, đã tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5% cho cổ đông.
- Miễn nhiệm các thành viên Ban điều hành nhà máy đã đến tuổi hưu trí và bổ nhiệm các Giám đốc, Phó giám đốc nhà máy thay thế.

II. Định hướng năm 2025:

- HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu kế hoạch 2025 trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét thông qua như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	%2025/2024
1	Doanh thu thuần	2.180,31	3.550,29	163%
2	Lợi nhuận trước thuế	-252,74	101,69	

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	%2025/2024
3	Lợi nhuận sau thuế	-306,75	90,68	

- Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- Tiếp tục xem xét và ban hành các Quy chế về quản trị nội bộ phù hợp với định hướng của SABIBECO và SABECO.
- Kế hoạch Thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT trong năm 2025:

	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
Thù lao của Hội đồng quản trị	528.000.000	468.000.000	416.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	114.000.000	108.000.000	172.000.000

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch như Ban điều hành đã trình bày trong bối cảnh thị trường bìa ảnh hưởng bởi tác động kép của Nghị định 168 và sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng, HĐQT định hướng triển khai các định hướng trong năm 2025 như sau:

• **Định hướng chiến lược phát triển**

Công ty sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu nhằm nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị định hướng Công ty ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và mô hình quản trị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí vận hành và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Cần đầu tư vào hệ thống tự động hóa và chuyển đổi công nghệ số.

• **Kế hoạch mở rộng và phát triển sản phẩm**

- Tinh gọn danh mục thương hiệu của SABIBECO và tích hợp với danh mục thương hiệu của SABECO nhằm thâm nhập sâu hơn vào thị trường Việt Nam
- Tăng cường mạng lưới phân phối và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu.

• **Tối ưu hóa hiệu quả tài chính và quản trị rủi ro**

- Tăng cường công tác quản lý chi phí sản xuất và vận hành và đảm bảo tăng trưởng doanh thu bền vững đồng thời tối ưu hóa lợi nhuận
- Rà soát và nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và triển khai hiệu quả các hoạt động quản trị rủi ro
- Đẩy mạnh các hoạt động huy động vốn, tối ưu hóa dòng tiền nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính vững chắc phục vụ cho các kế hoạch mở rộng sản xuất và đầu tư dài hạn

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Số: 01/2025/BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
TẠI CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây ;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) phát hành.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2024

1. Ông Văn Bá Nam- Trưởng ban	48.000.000 đồng
2. Ông Nguyễn Văn Hòa - Thành viên	30.000.000 đồng
3. Bà Bùi Thị Thái Hà- Thành viên	30.000.000 đồng

II. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024

II.1. Tổng kết số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2024

Số lượng các phiên họp Ban kiểm soát: 04 lần

- **Tình hình giám sát hoạt động của Công ty:**
 - + Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, theo dõi giám sát các Nghị quyết của HĐQT, các Quyết định của Ban điều hành và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
 - + Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- **Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024:**

DVT: Tỷ đồng			
Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2023	%TH2024/TH2023
Doanh thu thuần	2.180	2.020	108%
Lợi nhuận từ HDKD	(141)	(212)	
Lợi nhuận khác	(112)	(119)	
Lợi nhuận trước thuế	(253)	(331)	
Lợi nhuận sau thuế	(307)	(389)	
Tỷ lệ cổ tức	5%	5%	100%

II.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Ban kiểm soát ghi nhận báo cáo tài chính năm 2024 công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

II.3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty

Tất cả các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong năm 2024 đã tuân thủ đúng Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

II.4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và tài liệu liên quan đến các hoạt động kinh doanh của công ty khi Ban kiểm soát có yêu cầu.

III. Phương hướng hoạt động năm 2025

1. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty năm 2025.
2. Giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.
3. Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty.
4. Xem xét thẩm định các Báo cáo tài chính của công ty năm 2025.
5. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Người điều hành của công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Văn Hòa

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- BKS.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /2025/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Thực hiện theo Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Trân trọng.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**



Số: 01/2025/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 30 tháng 05 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và các giai đoạn có liên quan khác như Công ty kiểm toán độc lập của Công ty mẹ (SABECO).

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Hòa

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, BKS.

Số: 02 /2025/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: *Phân phối lợi nhuận năm 2024
và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025*

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 và năm 2025 cụ thể như sau:

I. Phân phối lợi nhuận năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	93.144,8	(231.591)
2	Lợi nhuận sau thuế	(27.144,3)	(306.752)
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	43.762	43.762
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
-	Trích Quỹ Công tác xã hội	-	-
-	Chia cổ tức	43.762	43.762
-	Tỷ lệ chia cổ tức	5%	5%
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	22.238,50	(538.343)

- Cổ tức năm 2024 là 5%, đã chi tạm ứng bằng tiền mặt vào ngày: 22/10/2024.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Diễn giải	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	(231.591)	(538.343)
2	Lợi nhuận sau thuế	(306.752)	90.683
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	43.762	9.599
-	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	9.146
-	Trích Quỹ Công tác xã hội	-	453
-	Chia cổ tức	43.762	-
-	Tỷ lệ chia cổ tức	5%	-
4	Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển	-	411.121
5	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	(538.343)	(46.138)

Trân trọng.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Tan Teck Chuan Lester

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /2025/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH/ PROPOSAL

(Về việc hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối)

Từ năm 2020 đến năm 2024 là những năm liên tục khó khăn đối với ngành bia, rượu nói chung và của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Tập đoàn Sabibeco”) nói riêng, bởi ảnh hưởng kép từ Luật phòng chống tác hại của rượu bia (Nghị định 100, có hiệu lực từ 01/01/2020) và dịch bệnh COVID-19 bùng phát vào những ngày đầu năm 2020. Từ đó sản lượng bia gia công mà Sabeco giao cho các Công ty trong Tập đoàn sản xuất sụt giảm dần qua các năm. Bên cạnh đó giá nguyên vật liệu đầu vào tăng có những thời điểm lên đến 150% nhưng giá bán ra không tăng. Đồng thời các khoản chi phí cố định (như khấu hao, chi phí bao bì chai kết) vẫn phải phân bổ vào giá vốn hàng bán. Trong khi công suất thực tế không đạt so với công suất thiết kế của các nhà máy trong Tập đoàn Sabibeco. Hệ quả là Công ty lỗ 4 năm liên tục làm cho Lợi nhuận chưa phân phối (“LNCPP”) sụt giảm tương ứng với các khoản lỗ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Mặc dù lỗ liên tục nhưng Sabibeco vẫn chia cổ tức cho cổ đông bằng LNCPP tích lũy từ trước, cho các năm từ 2020 đến 2024. Cho nên LNCPP trên Báo cáo tài chính hợp nhất đang bị âm sau khi chia cổ tức năm 2023 và 2024 cho các cổ đông theo như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Nay kính trình Đại hội Cổ đông cho hoàn nhập toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất với số tiền là **411.120.769.720 đồng** (bằng chữ: Bốn trăm mười một tỷ, một trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông.



**TM Hội Đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT**

Tan Teck Chuan Lester

Số: 04 /2025/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2024
và Kế hoạch thù lao năm 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây;
- Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2025/ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty và kế hoạch thù lao năm 2025 như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
I	Hội đồng quản trị			
1	Số lượng thành viên HĐQT (01/01/2024 – 18/07/2024)	Người	7	7
2	Số lượng thành viên HĐQT (18/07/2024 – 31/12/2024)	Người	5	5
3	Tổng thù lao	Đồng	528.000.000	468.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Số lượng thành viên BKS	Người	3	3
2	Tổng thù lao	Đồng	114.000.000	108.000.000

II. Kế hoạch Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
I	Hội đồng quản trị			
1	Số lượng thành viên HĐQT	Người	5	5
2	Tổng thù lao	Đồng	468.000.000	416.000.000

II	Ban kiểm soát			
1	Số lượng thành viên BKS	Người	3	3
2	Tổng thù lao	Đồng	108.000.000	172.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
Tan Teck Chuan Lester

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 /2025/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Các hợp đồng và giao dịch cần ĐHĐCD thông qua

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Sabibeco”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận các hợp đồng và giao dịch năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con (Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý) với các bên liên quan, có giá trị bằng hoặc lớn hơn 5% tổng tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Bao gồm nhưng không giới hạn như Hợp đồng sản xuất và cung ứng, Hợp đồng mua nguyên vật liệu, Hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

1. Hợp đồng sản xuất và cung ứng năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn. (Dự thảo một số nội dung chính đính kèm)
2. Hợp đồng mua nguyên vật liệu năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
3. Hợp đồng mua bán hàng hóa năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và công ty con với Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn. (Dự thảo một số nội dung chính đính kèm).

Các hợp đồng và giao dịch này được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện thương mại thông thường và không gây tổn hại đến các lợi ích của Sabibeco.

Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết và thực hiện các hợp đồng, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hợp đồng (nếu có), phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và theo kế hoạch hàng năm của Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

Lan Teck Chuan Lester

DỰ THẢO
MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA
HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG

Hợp đồng số: SBC - .../HTSX-20...

Hợp Đồng Sản Xuất và Cung ứng này ("**Hợp Đồng**") được lập ngày 31/12/20...

BỞI và GIỮA:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, có địa chỉ đăng ký tại số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi **ông LÂM DU AN**, chức vụ Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 1015/GUQ-BSG ký ngày 01/8/2018).

(sau đây gọi là "**SABECO**")

VÀ

..., một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp, có địa chỉ đăng ký tại ..., đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi ..., chức vụ

(sau đây gọi là "**Nhà Sản Xuất**")

VÀ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303140574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, có địa chỉ đăng ký tại số 12 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi **ông NGUYỄN HOÀNG GIANG**, chức vụ Tổng Giám đốc.

(sau đây gọi là "**SATRACO**")

Trên cơ sở xem xét các thỏa thuận được thống nhất, và theo các điều khoản và điều kiện được nêu trong Hợp Đồng này, Các Bên theo đây hiểu và đồng ý như sau:

1. Đối tượng và phạm vi hợp đồng

- SABECO cấp quyền sản xuất Sản Phẩm cho Nhà Sản Xuất để thực hiện việc sản xuất theo Quy Trình Sản Xuất và Tiêu Chuẩn Chất Lượng của SABECO vào từng thời điểm.
- Nhà Sản Xuất cam kết bán và SABECO thực hiện mua Sản Phẩm được sản xuất theo Hợp Đồng này để bán lại cho SATRACO hoặc mua để thực hiện cho mục đích xuất khẩu và/ hoặc các mục đích khác của SABECO. Nhà Sản Xuất không được bán bất kỳ Sản Phẩm nào cho bất kỳ bên nào khác ngoài SABECO, trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản.
- Danh mục Sản Phẩm, Tiêu Chuẩn Chất Lượng và Quy Trình Sản Xuất được mô tả cụ thể tại Phụ lục Hợp Đồng.

2. Kế Hoạch Sản Xuất

- SABECO sẽ quyết định và thông báo cho Nhà Sản Xuất và SATRACO về Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm. Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm sẽ bao gồm nội dung là các danh mục chi tiết và số lượng tương ứng của Sản Phẩm sẽ được sản xuất và phân phối để Nhà Sản Xuất và SATRACO sắp xếp và thực hiện. SABECO có thể điều chỉnh Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm tùy từng thời điểm.
- Trong mọi trường hợp, Nhà Sản Xuất sẽ luôn ưu tiên mọi nguồn lực để sản xuất Sản Phẩm theo yêu cầu của SABECO. Theo đó, trong suốt Thời Hạn của Hợp Đồng, Nhà Sản Xuất sẽ

không đồng thời sản xuất bia khác không thuộc phạm vi Sản Phẩm như được định nghĩa tại hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản hoặc bằng một thỏa thuận khác giữa các bên.

- Trường hợp Nhà Sản Xuất đồng thời sản xuất bia khác không thuộc phạm vi Sản Phẩm như được định nghĩa tại Điều 1.1 với sự đồng ý bằng văn bản của SABECO thì Nhà Sản Xuất phải gửi văn bản về kế hoạch sản xuất hàng năm đối với các sản phẩm bia này để SABECO phê duyệt. Đồng thời, Nhà Sản Xuất phải thực hiện chế độ báo cáo cho SABECO theo định kỳ hàng tháng, quý, năm về tình hình sản xuất bia khác (sản lượng sản xuất, giao hàng, tồn kho, ...).

3. Giao Hàng

- Sản Phẩm sẽ được giao tại kho của Nhà Sản Xuất.
- SATRACO sẽ thông báo cho Nhà Sản Xuất và SABECO thời gian giao hàng đối với Sản Phẩm do SATRACO mua theo Kế Hoạch Giao Hàng hàng tuần của SABECO. Thời gian giao hàng đối với các Sản Phẩm Khác mà SABECO mua từ Nhà Sản Xuất sẽ do SABECO thông báo.
- Nhà Sản Xuất và SATRACO sẽ phối hợp với nhau để sắp xếp việc giao Sản Phẩm do SATRACO mua, tuy nhiên, SABECO có quyền giám sát quá trình giao hàng. Cước phí giao hàng sẽ do SATRACO chịu, nhưng việc xếp Sản Phẩm lên phương tiện vận chuyển và dỡ các Thùng Đựng Trả Lại từ phương tiện vận chuyển sẽ do Nhà Sản Xuất sắp xếp theo yêu cầu của SATRACO.
- Sản phẩm giao nhận phải dựa trên lô bia thành phẩm có hồ sơ truy xuất nguồn gốc, quy trình sản xuất và được kiểm nghiệm đạt chất lượng bởi SABECO khi xuất hàng.
- Nhà Sản Xuất thực hiện giao hàng khi SATRACO đã chuẩn bị đầy đủ phương tiện tại kho của Nhà Sản Xuất.

4. Giá và thanh toán

- Đơn giá mua Sản Phẩm do SABECO mua từ các Nhà Sản Xuất và Đơn giá bán Sản Phẩm do SABECO bán cho SATRACO được quy định tại Phụ lục của Hợp Đồng. SABECO bảo lưu quyền điều chỉnh đơn giá vào từng thời điểm theo quyết định riêng của mình bằng thông báo cho các Bên để ký Phụ lục bổ sung.
- Tất cả giá cả trong Hợp Đồng này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và Thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại thời điểm thanh toán.
- Đồng tiền thanh toán là Việt Nam Đồng.

5. Thuế

- Mỗi Bên sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về các khoản thuế và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình. Để làm rõ, Nhà Sản Xuất phải kê khai và nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với Sản Phẩm theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm soát chất lượng và trách nhiệm

- Nhà Sản Xuất phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng của Sản Phẩm từ khâu sản xuất, đóng gói, kiểm tra, thử nghiệm, xử lý, lưu kho và xếp/dỡ Sản Phẩm lên/xuống phương tiện vận chuyển theo các Tiêu Chuẩn Chất Lượng và các Thông số kỹ thuật của SABECO. Nhà Sản Xuất phải tuân thủ các yêu cầu về sản xuất Sản Phẩm được đưa ra bởi SABECO và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.
- Nếu phát hiện Sản Phẩm không phù hợp với Quy Trình Sản Xuất, Tiêu Chuẩn Chất Lượng và Thông số kỹ thuật theo yêu cầu của SABECO và các quy định của pháp luật có liên quan, SABECO bảo lưu quyền từ chối mua, không thanh toán cho Sản Phẩm không phù hợp đó.

7. Sở hữu trí tuệ

- Nhà Sản Xuất và SATRACO thừa nhận và đồng ý rằng SABECO là chủ sở hữu duy nhất đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào liên quan đến Sản Phẩm.

8. VI PHẠM

- Nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này, Bên đó phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh từ hành vi vi phạm.

9. Thời hạn và chấm dứt

- Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ **01/01/20...** ("**Ngày Hiệu Lực**") cho đến khi được chấm dứt bằng một thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên ("**Thời hạn**").

Thay mặt và đại diện
SABECO

Thay mặt và đại diện Nhà
Sản Xuất

Thay mặt và đại diện
SATRACO

...

...

...

...

...

...

DỰ THẢO MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH
HỢP ĐỒNG MUA BÁN
Hợp đồng số:

HỢP ĐỒNG NÀY được lập ngày ... tháng ... năm ...

BỜI và **GIỮ**A:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304116373, có địa chỉ đăng ký tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi Ông **LEE CHIO LIM LARRY**, chức vụ Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật.

(sau đây gọi là "**SABIBECO**" hoặc "**Bên Mua**").

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAO BÌ SÀI GÒN, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam theo giấy phép số 2900788281 ban hành ngày 04/01/2007, có địa chỉ đăng ký tại Đường D1, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi Ông **VĂN THẢO NGUYỄN**, chức vụ Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật.

(sau đây gọi là "**Bên Bán**").

1. MUA VÀ BÁN HÀNG HÓA

- Trong Thời Hạn và theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, SABIBECO sẽ mua Hàng Hóa từ Bên Bán và Bên Bán sẽ bán Hàng Hóa cho SABIBECO.
- **Hàng hóa** gồm: Thùng giấy duplex, Lon nhôm và nắp các loại.
- **Chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật:** đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của SABIBECO. Bất kỳ thay đổi nào về quy cách, chất lượng, thiết kế và xuất xứ của vật liệu phải được Các Bên đồng ý bằng một Phụ lục của Hợp đồng này.
- **Số lượng:** theo thông báo đặt hàng của Bên Mua gửi cho Bên Bán. Số lượng có thể thay đổi tùy theo kế hoạch sản xuất của Bên Mua.

2. GIÁ

- Giá Hàng Hóa được áp dụng đối với SABIBECO được tính theo LME tại từng thời điểm. Giá LME áp dụng trong tháng M sẽ là giá nhôm LME 3-months cash-seller trung bình tháng của 3 tháng trước đó M-3. Đơn vị tính quy đổi VND/ tấn.

3. GIAO HÀNG

- Được thể hiện tại các Đơn Đặt hàng của SABIBECO. Đơn Đặt Hàng có thể chia thành nhiều lần giao hàng. Bên bán giao Hàng Hóa cho SABIBECO tại các Nhà máy bia của SABIBECO trên phạm vi toàn quốc hoặc các điểm đến khác do SABIBECO chỉ định trong Đơn Đặt Hàng mà không tính thêm bất kỳ chi phí nào đối với SABIBECO.
- Bên Bán phải đảm bảo việc đóng gói, bao gói và dán nhãn Hàng Hóa phù hợp theo các quy định hiện hành.
- SABIBECO chỉ chịu trách nhiệm tháo dỡ Hàng Hóa tại địa điểm giao hàng. Tuy nhiên, trong trường hợp Hàng Hóa không đạt yêu cầu hoặc số lượng Hàng hóa vượt quá số lượng theo Đơn Đặt Hàng, Bên Bán, bằng chi phí và rủi ro của mình, phải thu hồi Hàng Hóa bị trả lại, bao gồm nhưng không giới hạn đối với việc chất hàng, bốc dỡ và lưu kho Hàng Hóa bị trả lại.
- Nếu Hàng Hóa được giao cho SABIBECO vượt quá số lượng đã đặt hàng, SABIBECO sẽ không bị ràng buộc đối với số lượng vượt quá đó và mọi số lượng vượt quá sẽ thuộc về rủi ro của Bên Bán và có thể trả lại bằng chi phí của Bên Bán.

4. GIÁM ĐỊNH VÀ NGHIỆM THU

- Kết quả kiểm tra của Bên Mua (hoặc của bên thứ 3 do Bên Mua chỉ định) là cơ sở để nghiệm thu, thanh toán, khiếu nại, bồi thường hoặc hủy hàng không đạt chất lượng. Hàng Hóa nào bị lỗi hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của SABIBECO hoặc các yêu cầu về chất lượng theo Hợp

Đồng này, SABIBECO có quyền từ chối, yêu cầu hoàn trả bất kỳ khoản tiền đã trả trước cho Hàng hóa đó, phạt tiền tương đương với tám phần trăm (8%) giá trị của Hàng Hóa bị từ chối, yêu cầu tiêu hủy.

5. THANH TOÁN

- SABIBECO sẽ thanh toán giá trị Hàng Hóa tương ứng cho Bên Bán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được các Chứng từ Thanh toán tương ứng với khoản thanh toán từ Bên Bán. Trường hợp đến hạn thanh toán tiền hàng nhưng vì bất cứ lý do nào khác Bên Mua không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên Bán thì Bên Bán có quyền tính tiền phạt dựa trên mức lãi suất không kỳ hạn công bố của Ngân hàng Ngoại thương Việt nam tại ngày thứ 31, tính trên số tiền thanh toán trễ hạn.
- Nếu bất kỳ hóa đơn hoặc một phần hóa đơn nào được cung cấp bởi Bên Bán không được chấp nhận bởi SABIBECO, SABIBECO sẽ thông báo ngay cùng với lý do, và trong mọi trường hợp trước khi đến hạn thanh toán. Hóa đơn hoặc một phần hóa đơn không được chấp nhận đó sẽ chỉ được giải quyết trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi cả hai Bên thống nhất về số tiền cuối cùng phải thanh toán. Không có bất kỳ khoản bồi thường hay tiền lãi quá hạn nào sẽ được trả cho Bên Bán liên quan đến hóa đơn hoặc một phần hóa đơn bị tranh chấp. Tuy nhiên, phần không tranh chấp của hóa đơn sẽ được thanh toán trong thời hạn thanh toán theo Hợp Đồng.

6. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Tất cả các Nhãn Hiệu được sử dụng trên Hàng Hóa là và vẫn là tài sản độc quyền của SABIBECO

7. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

- Bên Bán hiểu rõ và thừa nhận rằng việc đáp ứng (các) tiêu chuẩn kỹ thuật và (các) yêu cầu đối với Hàng Hóa là rất quan trọng đối với việc sử dụng của SABIBECO. Nếu không thỏa mãn được yêu cầu này, có thể xảy ra các thiệt hại và rủi ro lớn trên phạm vi rộng. Bên Bán, theo đây, phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các rủi ro và thiệt hại đó phát sinh từ khiếm khuyết, không đảm bảo chất lượng, tính chất không an toàn hoặc sự thiếu hụt của Hàng Hóa.
- Bên Bán bảo đảm rằng Hàng Hóa phù hợp và tương thích với nhu cầu của SABIBECO theo quy định tại Hợp Đồng này. Theo đó, Bên Bán phải, trong và sau Thời Hạn của Hợp Đồng này, hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ thiệt hại nào đối với SABIBECO hoặc bất kỳ bên thứ ba nào phải chịu do việc sử dụng, lưu trữ và bảo quản Hàng Hóa một cách bình thường và các sự cố do thay đổi thời tiết ở Việt Nam xảy ra đối với Hàng Hóa.
- Bên Bán bảo đảm có bảo hiểm đầy đủ và thích hợp cho các khiếu nại trách nhiệm tiềm ẩn đối với Hàng Hóa của mình. Bên Bán có trách nhiệm mua Bảo hiểm hàng hóa cho Hàng Hóa với mức bồi thường tối thiểu là 20.000.000.000VND (hai mươi tỷ đồng) cho một (01) vụ việc xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam mà nguyên nhân gốc và trực tiếp gây ra bởi Hàng Hóa của Bên Bán.

8. VI PHẠM

- **Vi phạm về giao hàng:** Nếu Bên Bán không hoàn thành việc giao bất kỳ lô hàng nào theo lịch trình, SABIBECO có quyền áp dụng phạt tiền tương đương tám phần trăm (8%) giá trị Hàng Hóa bị chậm trễ; Bảo lưu quyền từ chối việc nhận bàn giao đối với bất kỳ Hàng Hóa tiếp theo nào; Giữ lại bất kỳ khoản thanh toán tiếp theo; Yêu cầu nhà cung cấp khác cung ứng Hàng Hóa để không làm gián đoạn việc sản xuất; Yêu cầu bồi thường đối với bất kỳ khoản chi phí, tổn thất hay phí tổn phát sinh mà SABIBECO phải gánh chịu dưới bất kỳ hình thức nào do lỗi của Bên Bán đã không giao hàng đúng hạn.
- **Vi phạm về nhận hàng:** SABIBECO sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về chi phí và phí tổn liên quan đến lưu giữ Hàng Hóa nếu SABIBECO chậm trễ trong việc nhận Hàng Hóa trong thời hạn theo lịch trình đã thỏa thuận mà không có bất kỳ lý do chính đáng nào.
- **Vi phạm về chất lượng:** SABIBECO có quyền khấu trừ bất kỳ khoản phạt tiền nào đối với Bên Bán từ bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào mà SABIBECO phải trả cho Bên Bán theo Hợp Đồng này khi Bên Bán vi phạm về chất lượng.
- **Vi phạm về thanh toán:** nếu SABIBECO không thanh toán đúng hạn cho bất kỳ hóa đơn không tranh chấp nào do Bên Bán phát hành trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các Chứng từ Thanh toán, Bên Bán có quyền tính tiền lãi đối với SABIBECO bằng số tiền chưa thanh toán nhân lãi suất áp dụng cho khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng VND do Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm thanh toán cho khoảng thời gian từ ngày thứ 31 đến thời điểm thực tế thanh toán.
- **Vi phạm về Sở hữu Trí tuệ.**

9. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT

- Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Hợp Đồng này được ký kết bởi cả hai Bên ("**Ngày Hiệu Lực**") cho đến nhưng không sớm hơn ngày các Bên hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này ("**Thời Hạn**"). Hợp Đồng này sẽ hết hạn vào cuối Thời Hạn trừ khi cả hai Bên đồng ý gia hạn ít nhất ba mươi (30) ngày trước khi hết hạn.

Thay mặt và đại diện Bên Bán

Thay mặt và đại diện SABIBECO

VĂN THẢO NGUYÊN

LEE CHIO LIM LARRY

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc